

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Số 437/TMDK-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 21 tháng 4... năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12, Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. Điện thoại: 84.28.54112323 Fax: 84.28.54112332

II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechem JSC) công bố thông tin “Báo cáo thường niên năm 2017” của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP, NXTC-03

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Bích Hà



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
NĂM 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước “**Báo cáo thường niên năm 2017**” của Petechim như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ
PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY
PETECHIM JSC**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0305447723.
- Vốn điều lệ : 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Địa chỉ : Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : (84-28) 54112323
- Số fax : (84-28) 54112332
- Email : contacts@petechim.com.vn; info@petechim.com.vn
- Website : www.petechim.com.vn
- Mã cổ phiếu : PTV
- Sàn giao dịch: ĐCCNY
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành dầu khí non trẻ của Việt Nam. Đến năm 1994, Petechim được chuyển giao cho PetroVietnam với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật,

thương mại và cung ứng thiết bị, vật tư, máy móc cũng như các công trình đồng bộ hàng đầu của Việt Nam.

- Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là “Petechim”, được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS ngày 05/10/1994 hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam).
- Ngày 27/09/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg về việc “Chuyển Công ty Thương mại Dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên”.
- Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim.

Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim” trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim (tên giao dịch viết tắt là Petechim Servimex) có 51% vốn góp của Tổng công ty Thương mại Dầu khí, sau khi được thành lập kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim.

Tiếp tục tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).

- Sau khi thành lập PV Oil, thương hiệu Petechim chính thức được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim. Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim.

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim là đơn vị kế thừa toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí cũng như thương hiệu của Tổng công ty Thương mại Dầu khí Petechim trước đây. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2016 và 2017:

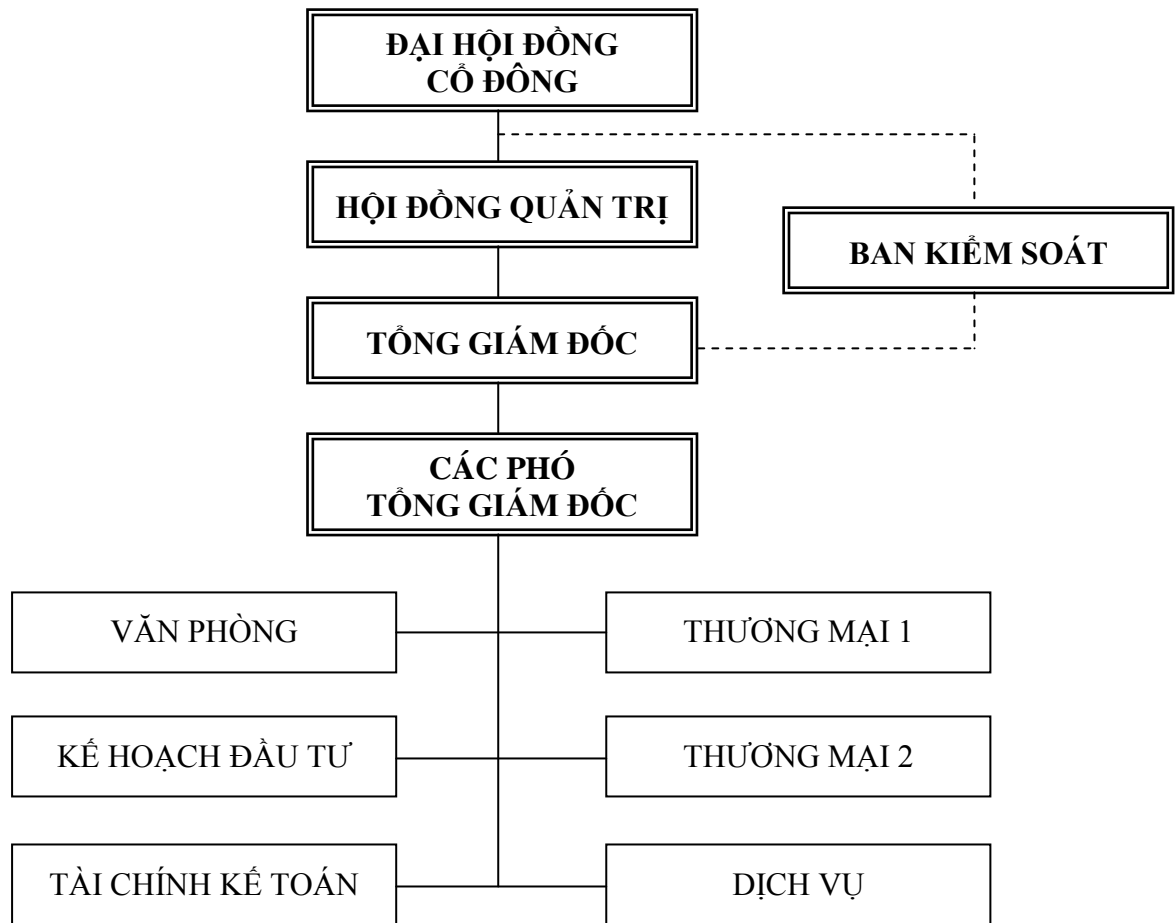
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	4669
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển.	5229
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
4	Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
5	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Lập trình máy vi tính	6201
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; dầu mỡ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế (không hoạt động tại trụ sở).	4661

- Địa bàn kinh doanh: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;

- Ban kiểm soát;
 - Tổng Giám đốc điều hành.
- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết:

+ **Công ty con:**

1. Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng xanh (GEC)
2. Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)

+ **Công ty liên kết:**

3. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC)
4. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)
5. Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)
6. Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

(Chi tiết xin xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này)

4. Định hướng phát triển

▪ Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechem) cho giai đoạn 2017 – 2018 và định hướng đến năm 2025 là:

- Tồn tại và phát triển bền vững trên cơ sở đồng thời;
- + Duy trì và mở rộng các hoạt động và thị trường truyền thống hiện có;
- + Tập trung phát triển thị trường mới: đa dạng hóa các hoạt động, tạo lập các dịch vụ mới, “lấy ngắn nuôi dài” trên cơ sở hiệu quả;

- + Xây dựng được các hoạt động dịch vụ cốt lõi/sở trường của công ty để phát triển bền vững lâu dài.
- Lấy hiệu quả kinh tế và sự thỏa mãn của khách hàng và đối tác làm thước đo sự thành công và phát triển của Công ty.
- Các nhiệm vụ cụ thể của Petechim:
 - Lấy hoạt động thương mại (cung ứng vật tư - thiết bị) và dịch vụ gắn liền với hoạt động của ngành Dầu khí, ngành Điện và các lĩnh vực hoạt động của các cổ đông PVOIL/PVN và SOVICO Holdings (bao gồm cả các dịch vụ mới nhờ uy tín và các mối quan hệ của các chủ sở hữu) để:
 - ✓ phát huy được các lợi thế của Petechim;
 - ✓ tận dụng vị thế/sự hỗ trợ của các chủ sở hữu/cổ đông;
 làm hoạt động kinh doanh trung tâm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển bền vững, lâu dài cho Công ty.
 - Tăng cường đa dạng hóa hoạt động, mở rộng thị trường (Bước 1 – Phát triển theo chiều rộng): Giữ vững và mở rộng thị trường (thương mại và dịch vụ) truyền thống hiện có (dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Điện, logistics, CNTT...); đồng thời tập trung đa dạng hóa các dịch vụ, phát triển thị trường mới trên nguyên tắc hiệu quả và “lấy ngắn nuôi dài”.
 - Xác định phân khúc thị trường – Tăng cường nghiên cứu xác định và tận dụng các “ngách nhỏ” của thị trường (“thị trường ngách”) - nơi các công ty lớn không khai thác hoặc khó thâm nhập, cần đối tác địa phương (local partner) để tham gia vào chuỗi cung ứng trong và ngoài ngành dầu khí (ví dụ GE và Baker Hughes...).
 - Thông qua việc đa dạng hóa hoạt động/phát triển thị trường và tìm kiếm/ xác định phân khúc thị trường, từng bước xây dựng được các hoạt động dịch vụ cốt lõi/sở trường của công ty (Bước 2 – Hoạt động có trọng tâm, tăng tính cạnh tranh, tạo bản sắc riêng).
 - Tạo ra chỗ đứng riêng - tập trung nghiên cứu thị trường và các nhu cầu của khách hàng để đáp ứng tốt nhất về chất lượng, giá cả và tiến độ trong các “thị trường ngách” để tạo được uy tín, bản sắc riêng.
 - Phương sách kinh doanh – tận dụng lợi thế là doanh nghiệp nhỏ, rất năng động, linh hoạt, “bám thắt lưng địch mà đánh” để thắng được những người khổng lồ có bộ máy cồng kềnh, thủ tục, quá trình ra quyết định phức tạp, chậm, giá cao trong thầu khoán.
 - Nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành doanh nghiệp, đặc biệt phát huy được yếu tố con người (khuyến khích sáng tạo và gắn trách nhiệm cá nhân).
 - Tạo lập liên minh với các nhà cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ lớn.
 - Sử dụng được nguồn lực từ bên ngoài – Đòn bẩy tài chính cho đầu tư và con người, thiết bị cho dự án/dịch vụ (outsourcing – thuê chuyên gia giỏi/thiết bị bên ngoài theo dự án, theo giờ...)
 - Đầu tư có chọn lọc/trọng tâm và có lộ trình cho việc phát triển các dịch vụ mới.

5. Các rủi ro:

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tuy đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ biến động mạnh.
- Xuất hiện nguy cơ biến động tỷ giá của tiền đồng Việt Nam so với các đồng ngoại tệ khác.
- Giá dầu chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh trở lại, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước.
- Mục tiêu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc tăng trưởng hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí sẽ tạo áp lực đáng kể cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Một số hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, tạo tâm lý e ngại cho khách hàng khi giao các dự án lớn cho Petechim thực hiện.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty chưa có hoạt động cốt lõi, chưa liên kết được độc quyền, làm đại lý với các nhà cung cấp, nhà sản xuất lớn trên thế giới.
- Hoạt động đầu tư của Công ty chưa hiệu quả, chưa tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2017, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các đối tác truyền thống trong ngành như Vietsovpetro, PVEP POC... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi quan trọng giúp Công ty giữ vững được thị trường truyền thống và nâng cao vị thế trong ngành để phát triển mảng dịch vụ thương mại của mình, tạo nền tảng vững chắc đáp ứng nhu cầu mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty.
- Tuy nhiên, năm 2017 cũng là năm mà Petechim phải đương đầu với những khó khăn do thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do sự xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới; cộng với tác động khách quan của tình hình khủng hoảng quốc tế và chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô trong nước.
- Hoạt động đổi mới doanh nghiệp của Petechim trong năm 2017 tiếp tục được chú trọng, nhằm tạo nội lực mới cho doanh nghiệp trong bối cảnh tình hình kinh tế xuất hiện nhiều khó khăn, thử thách.

Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2017 của Công ty Petechim như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% so với KH năm 2017	% so với năm 2016
1	Doanh thu	1.100.000	801.308,84	61,64%	109,83%
2	Giá vốn	988.250	747.203,19	61,96%	111,17%

S T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% so với KH năm 2017	% so với năm 2016
3	Chi phí	80.500	50.399,40	78,44%	99,48%
4	LNTT	31.250	3.706,25	12,46%	54,50%
5	LNST	25.000	1.639,98	6,89%	35,08%

(Số liệu tính đến hết 31/12/2017 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2017)

Về doanh thu: Trong năm 2017 Công ty Petechim đạt được doanh thu là 801,31 tỷ đồng, đạt 61,64% kế hoạch doanh thu cả năm, bằng 109,83% so với năm 2016.

Về lợi nhuận: Trong năm 2017, lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim đạt 3,71 tỷ đồng, đạt 12,46% kế hoạch cả năm, bằng 54,50% so với năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự:

– Danh sách Ban điều hành:

- Ông **Hoàng Dương** – Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19 – 08 – 1960.

Số CCCD: 001060010371, cấp ngày 31 – 10 – 2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư

Trình độ: Thạc sĩ Khoa học – Chuyên ngành đường ống bể chứa dầu

- Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 13 – 09 – 1963.

Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển

- Ông **Trần Trung Chí Hiếu** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01 – 02 – 1963

Số CMND: 161355616 cấp ngày : 20 – 6 – 2008 tại Nam Định.

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế.

- Bà **Đỗ Thị Bích Hà** – Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20 – 11 – 1970

Số CMND: 023668904 cấp ngày 30 – 7 – 2011 tại Tp. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

- Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng

Sinh ngày: 27 – 02 – 1982

Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.

Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

– Những thay đổi trong Ban điều hành: Có thay đổi

- Ông **Trần Trung Chí Hiếu** – Phó Tổng giám đốc chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 04/08/2017;
 - Ông **Hoàng Dương** kết thúc nhiệm kỳ Tổng giám đốc 2015-2018 kể từ ngày 23/4/2018;
 - Bà **Đỗ Thị Bích Hà** được HĐQT bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 23/4/2018.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 53 người
 - Chính sách đối với người lao động:
 - Tóm tắt chính sách:
 - + Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là nửa tháng lương).
 - + Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đào tạo đúng đối tượng;
 - + Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động thể hiện ở vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.
 - + Người lao động ký hợp đồng lao động 01 năm trở lên được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; được tham gia khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm;
 - + Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; lao động nữ sinh con, nghỉ thai sản; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp năm viện...
 - Thay đổi chính sách đối với người lao động năm 2017:
 - + Công ty tiếp tục thực hiện việc mua bảo hiểm PVI Care cho người lao động theo Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm con người năm 2017 ký ngày 22/5/2017 giữa Công ty Petechim và Công ty Bảo hiểm Dầu khí PVI Vũng Tàu, nhằm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh của CBNV với trách nhiệm và quyền lợi cao, đặc biệt bảo vệ người lao động trong các trường hợp rủi ro như: tử vong, tàn tật, tai nạn, nằm viện, phẫu thuật...
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**
- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
 - b) Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính: VND đồng

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu
-----	------------------	---------	--------------

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
1	Đầu tư vào công ty con	CÔNG TY CP TM NĂNG LƯỢNG XANH Ngày góp vốn: 23/09/2012 Người đại diện: 1. Đỗ Thị Bích Hà (Phó Tổng giám đốc); 2. Nguyễn Quang Trung (Trưởng BKS)	Vốn điều lệ	20.000.000.000
			Vốn Petechim góp	9.526.687.800
			Tỉ lệ sở hữu	51%
			Doanh thu 2017	560,214,643,454
			Lợi nhuận sau thuế 2017	3,850,897,902
			Tỉ lệ chia cổ tức 2017	16,75%
2	Đầu tư vào công ty liên kết	CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ PETECHIM Ngày góp vốn: 24/11/2009 Người đại diện: Vũ Ngọc Hải	Vốn điều lệ	30.000.000
			Vốn Petechim góp	2.500.000.000
			Tỉ lệ sở hữu	8,33%
			Doanh thu 2017	67.899.584.683
			Lợi nhuận sau thuế 2017	(3.060.629.636)
			Tỉ lệ chia cổ tức 2017	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết	Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn Ngày góp vốn: 14/02/2011 Người đại diện: Trần Mạnh Hùng - Phó Tổng giám đốc	Vốn điều lệ	200.000.000.000
			Vốn Petechim góp	11.000.000.000
			Tỉ lệ sở hữu	5,50%
			Doanh thu 2017	3.315.559.422.373
			Lợi nhuận sau thuế 2017	5.678.101.204
			Tỉ lệ chia cổ tức 2017	-
4	Đầu tư vào công ty liên kết	Công ty CP SX&Chế biến DK Phú Mỹ Ngày góp vốn: 22/03/2011 Người đại diện: Trần Mạnh Hùng Chức danh: Phó tổng giám đốc	Vốn điều lệ	500.000.000.000
			Vốn Petechim góp	10.000.000.000
			Tỉ lệ sở hữu	2%
			Doanh thu 2017	462.180.679.982
			Lợi nhuận sau thuế 2017	1.773.177.488
			Tỉ lệ chia cổ tức 2017	-
5	Đầu tư vào công ty liên kết	Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung Ngày góp vốn: 09/11/2011 Người đại diện: Trần Mạnh Hùng Chức danh: Phó Tổng giám đốc	Vốn điều lệ	140.000.000.000
			Vốn Petechim góp	3.000.000.000
			Tỉ lệ sở hữu	2,14%
			Doanh thu 2017	2.412.175.660.903
			Lợi nhuận sau thuế 2017	10.163.849.812
			Tỉ lệ chia cổ tức 2017	4,5%
6	Đầu tư vào công ty liên kết	Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) Ngày góp vốn: 31/12/2013	Vốn điều lệ	42.352.900.000
			Vốn Petechim góp	21.960.000.000
			Tỉ lệ sở hữu	51,85%
			Doanh thu 2017	74.615.979.672

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
		Người đại diện: 1. Hoàng Dương – Tổng giám đốc; 2. Nguyễn Quang Trung – Trưởng Ban kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế 2017	1.497.150.008
			Tỷ lệ chia cổ tức 2017	3%
TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ			57.986.690.000 VNĐ	

- Công ty Petechim đang tiến hành các thủ tục thoái vốn khỏi các doanh nghiệp không nắm cổ phần chi phối. Do việc chào bán rộng rãi trên thị trường vào thời điểm này lại không thuận lợi nên việc thoái vốn của Petechim đang gặp phải nhiều khó khăn.
- Tính đến hết năm 2016, tổng giá trị đầu tư góp vốn còn lại của Công ty Petechim là 57.986,69 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	497.870.289.545	426.349.905.272	Giảm 14,37 %
Doanh thu thuần	718.192.281.924	792.474.781.956	Tăng 10,34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.845.893.638	1.641.145.107	Giảm 42,33 %
Lợi nhuận khác	3.115.749.800	2.830.257.814	Giảm 9,16 %
Lợi nhuận trước thuế	6.800.525.023	3.706.245.512	Giảm 45,50 %
Lợi nhuận sau thuế	4.674.803.965	1.639.979.303	Giảm 304,63 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2016	2017
Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
HS thanh toán nhanh	1,53	1,97
HS thanh toán hiện thời	1,98	2,50
Chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản	44,54%	35,62
Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH	80,31%	54,62
Chỉ tiêu năng lực hoạt động		
Vòng quay khoản phải thu	6	7
Kỳ thu tiền bình quân	63	53
Số vòng quay hàng tồn kho	7	11
Số ngày tồn kho	46	33
Khả năng sinh lời		
LN gộp biên = Lợi nhuận gộp /doanh thu thuần	6,42%	5,71
ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	0,65%	0,21

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
- Tổng số cổ phần: 20.000.000 Cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Tổng số cổ đông tính đến ngày 23/03/2018: 2.820 cổ đông.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm trên 5%:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	58.000.000.000	29,00%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tràng An	VNĐ	46.200.000.000	23,10%
3	Công ty CP Chứng khoán Phú Gia	VNĐ	29.800.000.000	14,90%
4	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank)	VNĐ	22.000.000.000	11,00%
Tổng cộng			156.000.000.000	78,00%

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	14.500.000.000	29,00%
2	Nguyễn Lê Minh (đại diện cho CBNV PV Oil)	VNĐ	7.630.000.000	15,26%
3	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	VNĐ	3.370.000.000	6,74%
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VNĐ	2.500.000.000	5,00%
Tổng cộng			28.000.000.000	56,00%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có, do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Công ty hoạt động chính tại Trụ sở nên việc tiêu thụ năng lượng chủ yếu là điện phục vụ cho văn phòng. Hiện tại Công ty sử dụng tất cả các thiết bị tiêu thụ tiết kiệm điện nên việc sử dụng điện vào khoảng 7.500 kwh/tháng.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không sử dụng cho hoạt động kinh doanh, chỉ sử dụng cho sinh hoạt với mức tiêu thụ không đáng kể.
- b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
Số lượng lao động bình quân trong năm là 53 người; mức lương trung bình là 10 triệu đồng/người/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
Công ty tuân thủ nghiêm túc Bộ luật Lao động và các chính sách về an toàn, bảo hiểm... nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người lao động. Công ty đã được cấp chứng nhận về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 18001:2007 từ tháng 01/2016.
- c) Hoạt động đào tạo người lao động
Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo khi được tuyển dụng theo hướng kèm cặp trực tiếp.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai trong năm, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ trẻ tự kỷ và khuyết tật...

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Nhìn lại chặng đường hoạt động trong năm 2017, Công ty Petechim tự đánh giá các kết quả đạt được như sau:

Trong năm 2017, hoạt động kinh doanh của Công ty đạt kết quả thấp, doanh thu là 801,31 tỷ đồng, đạt 61,64% kế hoạch doanh thu cả năm và lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim đạt 3,71 tỷ đồng, đạt 12,46% kế hoạch doanh thu cả năm.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch là do Công ty Petechim phải đương đầu với những khó khăn:

- Thị trường dịch vụ thương mại trong ngành ngày càng trở nên cạnh tranh gay gắt do xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh mới;
- Hoạt động thương mại chủ yếu tập trung vào công tác đấu thầu trong khi mức độ cạnh tranh trên thị trường cao hơn nhiều so với thời kỳ trước nên công tác thương mại gặp nhiều khó khăn, hiệu quả kinh tế không cao như kỳ vọng;
- Tình hình giá dầu không có nhiều khả quan, nhiều nhà thầu lớn như VSP, JOC... cắt giảm chi phí thăm dò khai thác mỏ, các khoản đầu tư cho dự án bị trì hoãn, các đơn hàng giảm mạnh... làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty Petechim.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty Petechim cùng với tất cả các CBCNV Công ty luôn nỗ lực để vượt qua được giai đoạn khó khăn này nhằm phát huy được uy tín của thương hiệu Petechim trên thị trường; giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới do Công ty làm chủ công nghệ và tiếp tục đổi mới có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phát huy được những thế mạnh của mô hình công ty cổ phần.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tăng trưởng:

- Doanh thu Công ty năm 2017 có tăng nhẹ, đạt 792,47 tỷ VNĐ tăng 10,34% so với năm 2016. Trong đó doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ giảm 57,57% và doanh thu cung cấp chất phụ gia xăng dầu tăng 34,46% so với cùng kì.
- Quy mô tổng tài sản giảm so với năm 2016, giảm 14,37%. Trong đó chỉ tiêu các khoản phải thu tăng 16,70% so với cùng kì.

b) Tình hình thanh khoản:

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đang là 2,50 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng ở mức tương tự trong khoảng 1,53 đến 1,97. Điều này cho thấy Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kì kinh doanh).

c) Năng lực hoạt động:

Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân và số ngày tồn kho tăng lên đáng kể so với cùng kì. Cụ thể:

- Số ngày phải thu đang ở mức 63 ngày giảm còn 53 ngày so với năm 2016. Chỉ tiêu này cho thấy việc quản lý công nợ của công ty đang tốt hơn. Công ty đang có chính sách bán hàng phù hợp cho từng đối tác nhằm đảm bảo việc thu hồi công nợ một cách nhanh nhất.
- Chỉ tiêu số ngày tồn kho giảm 13 ngày, được xem là giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước.

d) Khả năng sinh lời:

- Lợi nhuận gộp biên năm 2017 giảm 0,71% so với năm 2016. Do tỷ trọng giá vốn/doanh thu cũng tăng tương ứng từ 93,58% lên 94,29% trong năm 2016. Điều này có thể giải thích do tính cạnh tranh của thị trường ngày càng cao, dẫn đến các doanh nghiệp phải giảm giá để trúng thầu.

- Chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) của Công ty năm 2017 giảm nhiều, tỷ lệ chi phí/doanh thu cũng giảm nhẹ 0,96% so với cùng kì. Lý do vì công ty cắt giảm nhiều khoản chi thường xuyên, đồng thời việc cho thuê một nửa diện tích văn phòng làm việc cũng làm giảm đáng kể chi phí dịch vụ và tăng doanh thu cho công ty.

e) Đòn bẩy tài chính:

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế của đòn bẩy nợ tài chính thông qua các kênh:

- Vay từ ngân hàng 21,590 tỷ, đây là các khoản vay có kỳ hạn ngắn (3 tháng; 6 tháng) với mức lãi suất từ 5% – 6%/năm.
- Chiếm dụng vốn từ khách hàng, giảm số ngày trả tiền bình quân từ 63 trong năm 2016 xuống 53 ngày trong năm 2017, điều này cho thấy năm nay doanh nghiệp thanh toán nhanh hơn năm trước.

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2016	So sánh
Vòng quay khoản phải trả	Lần/Vòng	3,94	3,75	Giảm 2,06 vòng
Số ngày trả tiền bình quân	Ngày	93	47	Tăng 54 ngày

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng. Tháng 5/2017, Công ty đã được cấp Chứng chỉ ISO theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 để đạt được các mục tiêu và chính sách chất lượng an toàn môi trường đã đề ra là: Đem đến cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của mình; Luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường.
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các nét chính trong hoạt động SXKD của Công ty Petechim giai đoạn 2017-2018 được dự báo như sau:

a. Hoạt động dịch vụ

Dịch vụ nhập khẩu ủy thác:

Tìm kiếm các hợp đồng ủy thác mới trong lĩnh vực cung ứng vật tư, thiết bị, công trình dầu khí.

Dịch vụ hậu cần, đại lý hàng hải và cung cấp nhiên liệu:

Tiếp tục triển khai các hoạt động dịch vụ truyền thống gồm:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa cho các nhà thầu dầu khí;
- Dịch vụ đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và tàu khảo sát địa chấn;
- Dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà thầu dầu.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục tìm hiểu thị trường các mặt hàng kinh doanh khác để triển khai kinh doanh khi có cơ hội tốt.

b. Hoạt động thương mại

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cung ứng các sản phẩm đặc trưng của Petechim trong giai đoạn vừa qua như:

- Ống thép cho các công trình dầu khí;
- Thiết bị địa vật lý giếng khoan;
- Thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu;
- Hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn.

Tăng cường quan hệ với các khách hàng truyền thống: Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil); Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro; Các nhà điều hành mỏ (JOC); Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí (PVEP); Nhà máy Lọc dầu Bình Sơn (BRS)...

Với định hướng tham gia góp vốn vào các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Sovico Hoiding sẽ tạo điều kiện quyết định cho Công ty Petechim trong việc tham gia các dự án lớn với vai trò cung ứng dịch vụ và vật tư thiết bị.

Bên cạnh đó, Petechim tiếp tục phát triển mối quan hệ và tham gia vào chuỗi cung ứng của các nhà sản xuất và phân phối hàng đầu thế giới đồng thời tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm cung ứng cho thị trường và tìm kiếm khách hàng trong những lĩnh vực và thị trường mới.

c. Hoạt động pha chế xăng dầu

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện công nghệ làm tăng hiệu quả của sản phẩm.
- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động cung ứng sản phẩm đặc trưng (CN120) của GEC.
- Tăng cường hợp tác với khách hàng truyền thống là Nhà máy PV Oil Phú Mỹ thực hiện phát triển các hợp đồng mới, đồng thời tìm kiếm phát triển các khách hàng mới như Sài Gòn Petro, Petrolimex và thị trường các nước có nhu cầu pha chế như Lào, Campuchia.

d. Hoạt động Công nghệ thông tin

- Tiếp tục triển khai để hoàn tất dứt điểm các hợp đồng đang dang dở của mảng CNTT.
- Phối hợp hỗ trợ thực hiện hoạt động kinh doanh với Công ty PAIC

e. Hoạt động đầu tư, quản lý vốn

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty, quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp bên ngoài.
- Tiếp tục thực hiện thoái vốn theo lộ trình được HĐQT phê duyệt.
- Nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới.
- Mở rộng hoạt động đầu tư sang kinh doanh chứng khoán theo chỉ đạo của HĐQT tại cuộc họp HĐQT ngày 07/04/2018.

f. Công tác tổ chức nhân sự và đào tạo

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa.
- Áp dụng cơ cấu tính lương mới phù hợp với năng lực chuyên môn của từng CBNV.
- Lập và triển khai kế hoạch đào tạo, tự đào tạo để nâng cao nghiệp vụ và các kỹ năng cho người lao động.

g. Công tác đổi mới doanh nghiệp

- Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp (Theo OHSAS 18001:2007) và Hệ thống quản lý môi trường (Theo ISO 14001:2004) trong toàn Công ty.

h. Công tác xã hội, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

- Phối hợp với Công đoàn Công ty trong việc đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo quy định của Luật Lao động.
- Phối hợp với Đoàn Thanh niên Công ty trong việc phát triển các hoạt động của thanh niên theo quy định của Luật Thanh niên.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức đoàn thể của Công ty.
- Khuyến khích CBNV Công ty tham gia vào các công tác xã hội, từ thiện, môi trường ...

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Chi tiết xin xem các công văn số 214/PETECHIM, 215/PETECHIM ngày 20/3/2018 của Công ty Petechim gửi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...):

Như đã phân tích ở trên, mức tiêu thụ năng lượng, nước tại trụ sở của Công ty tương đối ít, song song đó lượng chất thải hàng ngày chủ yếu là rác thải sinh hoạt nên không tác động đáng kể đến môi trường.

- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Người lao động được Công ty áp dụng đầy đủ các chính sách bảo hiểm, an toàn, phúc lợi.

- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty tham gia đầy đủ trách nhiệm đối với địa phương bằng việc đóng góp các quỹ theo quy định cũng như tích cực trong các hoạt động ủng hộ, thiện nguyện vì cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2017, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong ngành Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, các khách hàng truyền thống Vietsovpetro, PVEP POC, các nhà máy lọc dầu, các nhà máy điện trong ngành ... cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.

Tuy vậy trong năm qua, Petechim vẫn phải đương đầu với những khó khăn khách quan của ngành dầu khí khi giá dầu thế giới đã được cải thiện song vẫn ở mức thấp, vẫn chưa ổn định, dẫn đến việc dừng hoặc hoãn triển khai các dự án lớn theo kế hoạch đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Đồng thời, Công ty cũng tiếp tục phải tập trung giải quyết những tồn đọng và tìm cách khắc phục các hạn chế, yếu điểm còn tồn tại từ năm trước.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Petechim là hoạt động thương mại và dịch vụ cho các công ty trong ngành dầu khí, trong vài năm trở lại đây chủ yếu đơn thuần hoạt động thương mại, không có hoạt động cốt lõi/đặc thù, trong khi đó phạm vi hoạt động truyền thống này ngày càng bị thu hẹp dần. Mức độ cạnh tranh càng trở nên khốc liệt.

Trước thực tiễn nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các chỉ đạo, định hướng:

- Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm, các loại hình dịch vụ dầu khí cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ khâu đầu đến khâu sau và các nhà thầu dầu khí nước ngoài khác; Bám sát các khách hàng chiến lược trong ngành Dầu khí như Vietsovpetro, BSR, Phú Quốc POC, Hoàng Long – Hoàn Vũ JOC, PV POWER, Cửu Long JOC, PVEP POC, PV GAS, PVOIL ... và phát huy thế mạnh truyền thống với mục tiêu giành được hợp đồng/ dự án.
- Tăng cường việc hợp tác với các Nhà sản xuất/nhà cung cấp tiềm năng, tận dụng thế mạnh của đối tác (như GE, BHGE, Honeywell, Technip, Vietsovpetro, Rosneft, Total...), đẩy mạnh hiệu quả việc xây dựng quan hệ đối tác – khách hàng để gia tăng năng lực cạnh tranh và cơ hội thành công trong công tác đấu thầu.
- Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các chủ sở hữu: PVOil, SOVICO Holdings.

- Tập trung giải quyết dứt điểm các khoản công nợ, tồn kho và các HĐ/DA tồn đọng trong nghiệm thu, thanh quyết toán để thu hồi vốn, tránh phát sinh chi phí và có vốn cho SXKD.
- Thu xếp vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD – có các Phương án phù hợp để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng phục vụ hoạt động bảo lãnh, giải ngân và mở L/C cho Công ty.
- Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ cho SXKD.
- Quản lý chặt chẽ Dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản cho HĐ/DA của Công ty.
- Kiểm soát và thực hiện tiết giảm tối đa tất cả các chi phí: chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng, kể cả giá vốn bán hàng (chi phí Marketing) để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và tăng hiệu quả SXKD của Công ty.
- Hạn chế tối đa nợ xấu, tồn kho và các hợp đồng/ dự án tồn đọng mới để đảm bảo nguồn vốn cho SXKD và uy tín của Petechim.
- Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được triển khai thực hiện nhanh chóng và mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty;

Kết quả hợp nhất cơ bản mà Công ty và nhóm Công ty đã đạt được trong năm 2017 như sau:

- Giá trị tổng tài sản đạt trên 426,35 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác đạt hơn 801,31 tỷ đồng, đạt 62% so với kế hoạch ĐHCĐ giao;
- Nộp ngân sách Nhà nước trên 19,42 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 3,71 tỷ đồng, đạt 12% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt trên 1,64 tỷ đồng đạt 7% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao;
- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ: - 0,97 tỷ đồng;
- Lỗ cơ bản trên cổ phiếu đạt: 58 đ/CP;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 0%;
- Tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu: 0,60%
- Lương bình quân của người lao động: 10.000.000 đồng/ tháng

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty*

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, bổ sung sửa đổi lần 8, ngày 13/04/2016;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, ban hành ngày 26/04/2013.

HDQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim đã thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Về hoạt động quản trị Công ty:

Trong năm 2017, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty. Cụ thể như sau:

- HDQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tốt tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty vào ngày 12/4/2017 tại trụ sở chính của Công ty.
 - Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HDQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
 - Tổng giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HDQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
 - Thực hiện chủ trương của HDQT, Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định để công tác quản trị Công ty được sâu sát, hiệu quả hơn: “Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, HDQT và TGD” ban hành ngày 28/2/2017; “Quy trình đánh giá và xếp loại đơn vị, cá nhân” và “Quy trình trả lương và khen thưởng, chế tài thi đua” hiệu chỉnh năm 2018 thay thế “Quy trình đánh giá và xếp loại đơn vị, cá nhân” ban hành ngày 01/03/2017 và “Quy trình trả lương và khen thưởng, chế tài thi đua” ban hành ngày 20/09/2013 của Petechim;
 - Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HDQT, BKS và Thư ký HDQT năm 2017 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
 - Năm 2017, Tổng giám đốc đã hoàn thành việc đánh giá định kỳ chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2015;
 - Công tác nhân sự, đào tạo, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Về hoạt động kinh doanh:
- Tổng giám đốc đã trình HDQT phê duyệt việc cấp mới và tái sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại các ngân hàng HDBank (50 tỷ),

PVcomBank – CN Tp. HCM (50 tỷ), MBBank – CN An Phú (200 tỷ) nhằm phục vụ các hoạt động SXKD trong các năm 2017 và 2018 của Công ty.

- Chúng ta cũng phải ghi nhận một thực tế là phạm vi/lĩnh vực hoạt động truyền thống của Petechim đang bị thu hẹp, hiệu quả SXKD của Petechim đang liên tục sụt giảm từ năm 2015 tới nay. Đặc biệt, năm 2017 vừa qua là năm khó khăn nhất đối với Petechim với kết quả SXKD lần đầu tiên có một số tháng thua lỗ, năng lực cạnh tranh, vị thế và uy tín của Petechim sụt giảm nghiêm trọng. Nguyên nhân của các khó khăn có cả khách quan và chủ quan, song nguyên nhân chủ quan vẫn là chính, trong đó trách nhiệm thuộc về Ban điều hành.
- Hiệu quả làm việc của Ban điều hành trong năm vừa qua không cao, không thực hiện được các mục tiêu, phương hướng của HĐQT đề ra và kỳ vọng của ĐHĐCĐ: không mang về được các hợp đồng hợp tác, hợp đồng đại lý lâu dài, độc quyền của các nhà cung cấp lớn trên thế giới; Chi phí hoạt động cao, hiệu quả thấp, năng lực cạnh tranh kém dẫn đến hoạt động đấu thầu thua là chính; Công nợ, hàng tồn kho kéo dài từ năm này sang năm khác không được giải quyết dứt điểm. Sự yếu kém này dẫn đến kết quả SXKD cuối năm: doanh thu chỉ đạt 29,76%, lợi nhuận đạt 0,64% so với kế hoạch năm 2017 đã được phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và hệ lụy phải xin không trích lập các khoản dự phòng, sử dụng quỹ đầu tư phát triển để bù đắp thiệt hại.
- HĐQT cũng đã báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là tại cuộc họp HĐQT ngày 07/4/2018, HĐQT đã quyết nghị miễn nhiệm Tổng giám đốc Nhiệm kỳ 2015-2018 đối với ông Hoàng Dương và bổ nhiệm bà Đỗ Thị Bích Hà là Tổng giám đốc điều hành Petechim Nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 23/4/2018.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

➤ Mục tiêu chiến lược:

Nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả hoạt động và việc tạo ra lợi nhuận và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động làm mục tiêu hoạt động. Để thực hiện mục tiêu đó cần:

- Từ kết quả kinh doanh không khả quan của các năm qua, đặc biệt năm 2017, Công ty Petechim cần định hướng lại chiến lược kinh doanh, đổi mới phương thức hoạt động và triển khai công việc trên cơ sở **Tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico Holdings** với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông, vừa đảm bảo thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của Công ty.
- Duy trì và mở rộng các hoạt động và thị trường truyền thống hiện có; đồng thời tập trung phát triển thị trường mới, đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, tạo lập các dịch vụ mới trên nguyên tắc hiệu quả để phát triển lâu dài.

- Tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng để tạo cơ hội tham gia vào các dự án đầu tư trọng điểm, xây dựng được các hoạt động lâu dài, cốt lõi, bền vững, đồng thời nâng cao vị thế của Công ty trong ngành dầu khí và các lĩnh vực hoạt động của Sovico Holdings.
- Mở rộng đầu tư sang lĩnh vực chứng khoán đối với các cổ phiếu tốt.
- Tận dụng tối đa vị thế, sự hỗ trợ cũng như các lĩnh vực hoạt động và đầu tư của PVOil và Sovico Holdings để phát triển.
- Sử dụng tối đa các nguồn lực hiện có, lấy yếu tố con người làm động lực chính cho phát triển doanh nghiệp. Có chính sách sử dụng, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển của Công ty.
- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức và quản trị theo hình thức tinh gọn, tiết kiệm, chuyên nghiệp, gắn trách nhiệm cá nhân các cấp với nhiệm vụ được giao nhằm đáp ứng được yêu cầu hiệu quả kinh doanh.
- Hoàn thiện và thực hiện các quy định, quy trình về quản lý phân vốn đã và sẽ góp tại các dự án/ doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động đầu tư của Công ty.
- Có chính sách dự phòng tài chính nhằm ứng phó các nguy cơ rủi ro và đảm bảo nguồn tài chính phù hợp với lộ trình phát triển của Công ty.
- Xử lý quyết liệt và dứt điểm các nợ xấu còn tồn đọng.
- Hoàn thiện đề án chiến lược SXKD của Công ty đến năm 2020 nhằm định hướng và phát triển Công ty bền vững.

Đây là những công tác trọng tâm nhằm tiếp tục giữ vững và nâng cao vị thế cạnh tranh của Petechim trong giai đoạn phát triển và hội nhập.

➤ **Kế hoạch hoạt động:**

a. *Hoạt động kinh doanh*

- Hoạt động SXKD năm 2018 của Petechim sẽ tập trung vào 4 nhóm hoạt động chính, như sau:

- **Nhóm 1:** Tập trung quản lý và hoàn thành tốt nhất các hợp đồng/ dự án đang thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và làm xong đến đâu nghiệm thu thanh quyết toán dứt điểm đến đó nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận và uy tín cho Petechim; Quyết liệt trong tham gia đấu thầu, duy trì thị trường truyền thống trong ngành Dầu khí (cung cấp ống thép cho các công trình dầu khí, thiết bị địa vật lý giếng khoan, thiết bị cho phòng thí nghiệm, thiết bị cho các nhà máy điện, thiết bị cho hệ thống tồn trữ, pha chế, phân phối và bán lẻ xăng dầu, hóa phẩm và chất xúc tác phục vụ công nghiệp dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn, giải pháp và sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong ngành dầu khí) và thị trường của nhóm các công ty của Sovico Holdings để tạo nguồn thu, lợi nhuận; Xử lý quyết liệt và dứt điểm các tồn đọng, nợ xấu và hàng tồn kho; Đối với các hợp đồng mới cần xem xét và đánh giá hiệu quả kinh doanh, rủi ro (nếu có) trước khi ký kết.

- **Nhóm 2:** Xúc tiến và ký kết các hợp đồng/thỏa thuận hợp tác với các đối tác/khách hàng chiến lược như GE, Honeywell, Technip, Vietsovpetro, Rosneft, Total Từng bước đạt được mục tiêu trở thành đối tác, đại lý, nhà phân phối cho các thương hiệu lớn với đầu ra là các hợp đồng cung cấp các thiết bị, dịch vụ trong nước cho các chủ đầu tư dầu khí như Vietsovpetro, PVEP, các JOC, POC, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các nhà máy điện thuộc PVN, Vietgazprom, Zarubezhneft, Soco, Rosneft, Lukoil, Gazprom Murphy, Perenco, ExxonMobil ... để xây dựng được các hoạt động lâu dài, cốt lõi, đồng thời nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh của Petechim nhằm có thể thực hiện được các định hướng ở nhóm 1.
 - **Nhóm 3:** Mở rộng đầu tư vào lĩnh vực tài chính thông qua kênh chứng khoán đối với các cổ phiếu tốt, có khả năng sinh lời cao như cổ phiếu của Vietjet,... Thành lập tổ chuyên gia thu thập và phân tích thông tin thị trường/doanh nghiệp để đánh giá và lựa chọn kênh đầu tư, xác định suất đầu tư thích hợp nhằm tạo nguồn thu từ lợi nhuận ổn định cho Công ty.
 - **Nhóm 4:** Tăng cường củng cố quan hệ với các cổ đông lớn như PVN/PVOil, Sovico Holdings/Vietjet,... và xây dựng chiến lược kinh doanh theo định hướng phát triển của ngành Dầu khí, của Tập đoàn Sovico Holdings.
- Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức các cuộc họp HĐQT để chỉ đạo kịp thời các mặt hoạt động kinh doanh.
 - Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động kinh doanh để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót và tồn tại.
 - Đứng trước dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2018 và thực trạng của Petechim, HĐQT đã xem xét và thống nhất xây dựng các chỉ tiêu kinh tế dự kiến cơ bản của Công ty Petechim năm 2018 như sau:

Riêng Công ty Petechim

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 dự kiến
1	Doanh thu	300.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	283.375.000.000
3	Tổng quỹ lương	12.500.000.000
4	Lợi nhuận đầu tư chứng khoán	9.000.000.000
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	13.125.000.000
6	Thuế TNDN (20%)	2.625.000.000
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.500.000.000
8	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	4%
9	Nộp ngân sách Nhà nước	15.000.000.000
10	Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động	10.000.000

Hợp nhất Công ty con

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 dự kiến
1	Tổng doanh thu	973.000.000.000
2	Tổng chi phí	963.875.000.000
3	Lợi nhuận đầu tư chứng khoán	9.000.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	18.125.000.000
5	Thuế TNDN (20%)	3.625.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.500.000.000
7	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	11.106.600.000

b. Hoạt động đầu tư

- Đảm bảo nguồn vốn, tín dụng đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Quản lý tốt dòng tiền của Công ty, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tối đa hóa lợi nhuận của nguồn vốn;
- Quản lý tốt việc đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp/ dự án và có phương án thoái vốn an toàn trong trường hợp cần thiết;
- Tăng cường quản lý và phát triển các hoạt động SXKD tại các công ty con: Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC), Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC);
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các cơ hội đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước khi có cơ hội.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ thực hiện công tác quản lý đầu tư nhằm quản lý các danh mục đầu tư hiệu quả và đáp ứng được các mục tiêu của Công ty đề ra khi tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án/ doanh nghiệp.

c. Kế hoạch thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho

HĐQT tiếp tục theo dõi sát sao và đôn đốc quyết liệt Ban điều hành Công ty xử lý các công nợ và hàng tồn kho.

d. Công tác cổ phần, cổ phiếu:

- Đề xuất tỷ lệ chi trả cổ tức niên độ tài chính 2018 dự kiến: 4%
- Tiếp tục lưu ký chứng khoán cho các cổ đông Công ty tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, xem xét việc đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), tiến tới đưa cổ phiếu của Petechim lên sàn giao dịch chứng khoán vào thời điểm thích hợp nhằm nâng cao vị thế của Petechim, thu hút vốn đầu tư từ kênh chứng khoán.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Về báo cáo tài chính riêng năm 2017:

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017:

Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. **Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2017” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017” của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đính kèm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- HĐQT. NXTC – 03b

Đính kèm:

- Phụ lục số 01;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi Deloitte Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



PHỤ LỤC SỐ 01

(Đính kèm Báo cáo số 436/BC-TMDK, ngày 27/4/2018)

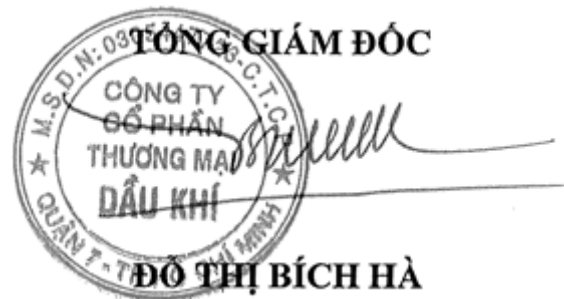
STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG XANH (GEC) (Địa chỉ: Ô1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã BR-VT)	Mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ; Sản xuất, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp.	9,526,687,800	51%
2	Công ty liên kết	CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC) (Tầng 10, Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam, số 173 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Mua bán, cung cấp, xây dựng, cho thuê, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, báo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình). Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm	18,360,000,000	43.35%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			<p>thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.</p>		
3	Công ty liên kết	<p>CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ (PVLSC) (Địa chỉ: Khu Trung tâm DV Công Cộng, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa)</p>	<p>Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú (bao gồm cả khách sạn, biệt thự, nhà trọ); Kinh doanh dịch vụ ăn uống: nhà hàng, quầy bar, phục vụ suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ điện tử, tin học, dịch vụ internet; Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm định máy móc, thiết bị công nghiệp, dầu khí, xăng dầu; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy; Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất, hóa phẩm ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp; Mua bán trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ môi trường; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển; Vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Cho thuê ô tô; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ khác liên quan đến vận tải; Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các</p>	2,900,000,000	25%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			công trình khác; Dịch vụ vệ sinh giặt là; Các dịch vụ phục vụ cá nhân khác; Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Cung ứng dịch vụ và các cơ sở luyện tập thể dục thể thao; Nhà thuốc, phòng khám, cơ sở y tế.		
4	Công ty liên kết	CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN (PVOil Sài Gòn) (Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đấu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.	11,000,000,000	5.50%
5	Công ty liên kết	CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PVOil Phú Mỹ) (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)	Bán buôn / bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanoil fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị,	10,000,000,000	2.00%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.		
6	Công ty liên kết	CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PVOil Miền Trung) (Địa chỉ: 92-94, Lê Trung Đình, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất cấm)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).	3,000,000,000	3.50%

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



Số: 214 /PETECHIM

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Tầng 18, tòa nhà Time Square,
22 – 36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thư giải trình này được lập nhằm phục vụ công việc kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”) nhằm đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính hợp nhất này, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí (gọi tắt “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con gọi chung là “Công ty”) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi khẳng định trách nhiệm của mình đối với các vấn đề sau:

- a. Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
 - b. Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện gian lận.
 - c. Xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Các nội dung được trình bày tại thư giải trình này được giới hạn cho các vấn đề trọng yếu. Các vấn đề được coi là trọng yếu, không phân biệt mức độ (về giá trị), nếu liên quan đến các thiếu sót, sai sót về thông tin kế toán mà, trong từng trường hợp cụ thể, sự thiếu sót hoặc sai sót này có thể ảnh hưởng hoặc làm thay đổi các quyết định của người sử dụng thông tin tài chính.

Trong phạm vi trách nhiệm và sự hiểu biết của mình, chúng tôi xác nhận các giải trình sau đây:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập ở trên được trình bày trung thực và hợp lý, tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Chúng tôi đã cung cấp cho kiểm toán viên toàn bộ:
 - a. Báo cáo tài chính hợp nhất và thông tin liên quan;
 - b. Biên bản Đại hội cổ đông, các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoặc bản tóm tắt nội dung các cuộc họp chưa lập biên bản gần đây.
 - c. Các chứng từ liên quan đến các khoản doanh thu và chi phí được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.
3. Không có phản ánh nào từ các cơ quan quản lý nhà nước về việc không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các qui định về kế toán.
4. Chúng tôi không phát hiện được bất kỳ gian lận nào đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty liên quan đến (a) Ban Giám đốc, (b) nhân viên nắm vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ, hoặc (c) những đối tượng khác có hành vi gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.
5. Chúng tôi không nhận được bất kỳ cáo giác nào về các hành vi gian lận đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh

hường đến Công ty phản ánh từ các nhân viên đương nhiệm, nhân viên cũ, chuyên gia phân tích, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc các đối tượng khác.

6. Chúng tôi không có bất kỳ kiện tụng, khiếu nại hoặc khoản bồi thường nào đang xảy ra, hoặc có khả năng xảy ra, hoặc các khiếu nại, bồi thường chưa được xác nhận, cần phải tổng hợp và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
7. Các giả định quan trọng của chúng tôi trong các ước tính kế toán là phù hợp
8. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế đã được ghi chép đầy đủ trong sổ kế toán làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.
9. Công ty không có kế hoạch hay dự tính nào có thể ảnh hưởng tới giá trị ghi sổ hay việc phân loại tài sản, công nợ.
10. Các vấn đề sau đây, trong phạm vi áp dụng thích hợp, đã được xác định phù hợp, ghi chép đầy đủ và trình bày hợp lý trên báo cáo tài chính hợp nhất:
 - a. Nghiệp vụ đối với các bên liên quan, các khoản phải thu, phải trả liên quan bao gồm các khoản mua, bán, đi vay, chuyển nhượng, thuê tài sản và bảo lãnh (bằng lời hay văn bản).
 - b. Giá trị các khoản phải thu từ hay phải trả cho các bên liên quan,
 - c. Các khoản bảo lãnh bằng lời hay bằng văn bản mà Công ty có nghĩa vụ hoàn trả.
11. Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh với các bên liên quan là được thực hiện trên cơ sở giá thị trường và Ban Giám đốc nhận thức được các rủi ro có liên quan và chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề này với cơ quan thuế cũng như chuẩn bị các tài liệu chứng minh khi làm hồ sơ chống chuyển giá nộp cơ quan thuế theo quy định hiện hành.
12. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã thực hiện các ước tính kế toán. Tất cả các ước tính kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất nếu các thông tin hiện có trước ngày phát hành báo cáo cho thấy:
 - a. Có cơ sở hợp lý cho thấy ước tính về mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của một điều kiện, hoàn cảnh hoặc tình huống tại ngày của báo cáo sẽ bị thay đổi trong tương lai gần do ảnh hưởng của một hoặc một số sự kiện trong tương lai.
 - b. Ảnh hưởng của sự thay đổi là trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.
13. Công ty không:
 - a. Vi phạm hay có thể vi phạm luật và các quy định mà ảnh hưởng cần trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất hoặc là cơ sở cho việc ghi nhận công nợ tiềm tàng.
 - b. Có các khoản bồi thường hay kiện tụng có thể có hay chắc chắn có mà các ảnh hưởng liên quan phải được xem xét, hạch toán và trình bày trên báo cáo tài chính và không cung cấp cho kiểm toán viên
 - c. Các khoản công nợ hoặc thu nhập, chi phí tiềm tàng khác cần phải dự phòng hoặc trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
14. Công ty là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản đang sở hữu và không có bất kỳ một tài sản nào trong số này bị đem đi cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ.
15. Công ty đã tuân thủ mọi điều khoản của các hợp đồng mà hành vi vi phạm hợp đồng sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.
16. Không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.
17. Công ty có trách nhiệm tính toán và bảo đảm các khoản dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi được

tính đầy đủ cũng như cơ sở để xác định các khoản đó. Ban Giám đốc cho rằng không cần thiết để ghi nhận các khoản dự phòng trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản phải thu của Công ty tương đương với giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

18. Tất cả số hàng tồn kho là tài sản của Công ty (bao gồm hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí ký gửi tại kho Công ty TNHH Cần ống Khoan dầu khí Việt Nam được ghi nhận với số tiền là 19.777.118.126 đồng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017) và không bao gồm hàng do đơn vị khác chuyển cho Công ty tiêu thụ, hàng đã lập hoá đơn bán ra hay hàng của nhà cung cấp mà Công ty chưa ghi nhận nợ phải trả. Ban Giám đốc cho rằng không cần thiết để ghi nhận các khoản dự phòng trên báo cáo tài chính hợp nhất vì giá gốc của hàng tồn kho của Công ty tương đương với giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
19. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện cam kết mua hàng nếu vượt quá nhu cầu bình thường hoặc với giá cao hơn giá thị trường.
20. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện, hay không thực hiện được cam kết bán hàng trong tương lai.
21. Chúng tôi đã trình bày với các kiểm toán viên tất cả các điều khoản bán hàng, bao gồm cả quyền trả lại hàng mua hay điều chỉnh giá và các điều kiện bảo hành.
22. Việc đánh giá tài sản thuế thu nhập hoãn lại của Công ty đã được thực hiện theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
23. Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, dựa trên những phương pháp tính toán và ước tính mà Ban Giám đốc thấy phù hợp nhất, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã phản ánh đúng tiến độ thực hiện các công trình, dự án của Công ty và đã thể hiện hợp lý giá trị tất cả các công trình, dự án mà Công ty đang thực hiện và chưa được nghiệm thu quyết toán giá trị hoàn thành. Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận đã cung cấp đầy đủ cho kiểm toán viên các tài liệu liên quan đến số liệu ghi nhận doanh thu, giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình, dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đồng thời đảm bảo tính chính xác của các tài liệu này.
24. Công ty đã lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
25. Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Thông tư 210 có đề cập đến việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế (“IFRS”) khi trình bày và công bố các công cụ tài chính, tuy nhiên Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương ứng cho việc ghi nhận và đánh giá tài sản tài chính, bao gồm việc áp dụng giá trị hợp lý, theo IFRS. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 và các quy định hiện hành có liên quan chưa có hướng dẫn đầy đủ về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.
26. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017. Công ty TNHH Hưng Yên đã tiến hành kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng và vụ việc đang chờ được xét xử phúc thẩm tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

27. Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ lương với tổng số tiền là 12.500.000.00 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng quỹ lương được trích lập trong năm là phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty và sẽ được chi trả trước khi quyết toán thuế năm 2017. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các khoản lương, thưởng và các khoản phúc lợi với số tiền là 1.800.000.000 đồng chi trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát, là phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các quy định hiện hành.
28. Công ty đã tiến hành lập tờ trình Hội đồng quản trị số 0713/Ttr-TMDK ngày 4 tháng 01 năm 2018 về việc không trích lập dự phòng cho năm tài chính 2017. Đối với công nợ phải thu khó đòi trị giá 24.701.090.006 đồng và hàng tồn kho chưa xử lý trị giá 24.682.794.919 đồng, Ban điều hành nhận thấy vẫn đang trong quá trình thực hiện và thu hồi. Vì vậy việc trích lập dự phòng phải thu và giảm giá hàng tồn kho sẽ được thực hiện vào các năm sau khi có đủ các bằng chứng chắc chắn về việc không thu hồi được công nợ.
Đối với công nợ phải trả do một số nhà cung cấp đã ngưng hoạt động, Ban điều hành đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt cho phép ghi nhận giá trị các khoản công nợ phải trả này vào khoản thu nhập khác của công ty năm 2017. Khi đó, lợi nhuận công ty sẽ được ghi nhận tăng thêm trên báo cáo tài chính hợp nhất là 1.833.877.525 đồng.
29. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất này, một số khoản phải thu chưa xác nhận được với số tiền là 3.153.866.529 đồng, Ban Giám đốc tin tưởng rằng khoản phải thu này có khả năng thu hồi và đã được ghi nhận đầy đủ dựa trên quyền thu hồi từ khách của các khoản tiền này.
30. Đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinacomex – PVC theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho khách sạn Lam Kinh tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017 lần lượt là 840.746.600 VND và 790.746.600 VND đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nêu trên nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
31. Số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2016, thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến Dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11/03/2015 là 1.646.068.395 VND, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
32. Chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí (“Dự án”) không được phê duyệt quyết toán với số tiền 3.099.145.211 đồng đang được trình bày ở khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, khoản chi phí này không có khả năng thu hồi và vì vậy cần ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được chi phí đã ghi nhận, do đó không thực hiện ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh năm 2017



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Số: 215 /TMDK-TCKT

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Tầng 18, tòa nhà Time Square,
22 – 36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thư giải trình này được lập ra nhằm phục vụ công việc kiểm toán Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng”) nhằm đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính riêng này, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí (gọi tắt “Công ty”) được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi khẳng định trách nhiệm của mình đối với các vấn đề sau:

a. Tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính riêng về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Xây dựng và thực hiện các chương trình, biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện gian lận.

c. Xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các nội dung được trình bày tại thư giải trình này được giới hạn cho các vấn đề trọng yếu. Các vấn đề được coi là trọng yếu, không phân biệt mức độ (về giá trị), nếu liên quan đến các thiếu sót, sai sót về thông tin kế toán mà, trong từng trường hợp cụ thể, sự thiếu sót hoặc sai sót này có thể ảnh hưởng hoặc làm thay đổi các quyết định của người sử dụng thông tin tài chính.

Trong phạm vi trách nhiệm và sự hiểu biết của mình, chúng tôi xác nhận các giải trình sau đây:

1. Báo cáo tài chính riêng đề cập ở trên được trình bày trung thực và hợp lý, tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Chúng tôi đã cung cấp cho kiểm toán viên toàn bộ:

a. Báo cáo tài chính riêng và thông tin liên quan;

b. Biên bản Đại hội cổ đông, các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoặc bản tóm tắt nội dung các cuộc họp chưa lập biên bản gần đây.

c. Các chứng từ liên quan đến các khoản doanh thu và chi phí được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng.

3. Không có phản ảnh nào từ các cơ quan quản lý nhà nước về việc không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các qui định về kế toán.

4. Chúng tôi không phát hiện được bất kỳ gian lận nào đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty liên quan đến (a) Ban Giám đốc, (b) nhân viên nắm vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ, hoặc (c) những đối tượng khác có hành vi gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.
5. Chúng tôi không nhận được bất kỳ cáo giác nào về các hành vi gian lận đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty phản ánh từ các nhân viên đương nhiệm, nhân viên cũ, chuyên gia phân tích, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc các đối tượng.
6. Chúng tôi không có bất kỳ kiện tụng, khiếu nại hoặc khoản bồi thường nào đang xảy ra, hoặc có khả năng xảy ra, hoặc các khiếu nại, bồi thường chưa được xác nhận, cần phải tổng hợp và trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
7. Các giả định quan trọng của chúng tôi trong các ước tính kế toán là phù hợp.
8. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế đã được ghi chép đầy đủ trong sổ kế toán làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính.
9. Công ty không có kế hoạch hay dự tính nào có thể ảnh hưởng tới giá trị ghi sổ hay việc phân loại tài sản, công nợ.
10. Các vấn đề sau đây, trong phạm vi áp dụng thích hợp, đã được xác định phù hợp, ghi chép đầy đủ và trình bày hợp lý trên báo cáo tài chính riêng:
 - a. Nghiệp vụ đối với các bên liên quan, các khoản phải thu, phải trả liên quan bao gồm các khoản mua, bán, đi vay, chuyển nhượng, thuê tài sản và bảo lãnh (bằng lời hay văn bản).
 - b. Giá trị các khoản phải thu từ hay phải trả cho các bên liên quan
 - c. Các khoản bảo lãnh bằng lời hay bằng văn bản mà Công ty có nghĩa vụ hoàn trả.
11. Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh với các bên liên quan là được thực hiện trên cơ sở giá thị trường và Ban Giám đốc nhận thức được các rủi ro có liên quan và chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề này với cơ quan thuế cũng như chuẩn bị các tài liệu chứng minh khi làm hồ sơ chống chuyển giá nộp cơ quan thuế theo quy định hiện hành.
10. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã thực hiện các ước tính kế toán. Tất cả các ước tính kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính riêng nếu các thông tin hiện có trước ngày phát hành báo cáo cho thấy:
 - a. Có cơ sở hợp lý cho thấy ước tính về mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của một điều kiện, hoàn cảnh hoặc tình huống tại ngày của báo cáo sẽ bị thay đổi trong tương lai gần do ảnh hưởng của một hoặc một số sự kiện trong tương lai.
 - b. Ảnh hưởng của sự thay đổi là trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.
12. Công ty không:
 - a. Vi phạm hay có thể vi phạm luật và các quy định mà ảnh hưởng cần trình bày trên báo cáo tài chính riêng hoặc là cơ sở cho việc ghi nhận công nợ tiềm tàng.
 - b. Có các khoản bồi thường hay kiện tụng có thể có hay chắc chắn có mà các ảnh hưởng liên quan phải được xem xét, hạch toán và trình bày trên báo cáo tài chính và không cung cấp cho kiểm toán viên
 - c. Các khoản công nợ hoặc thu nhập, chi phí tiềm tàng khác cần phải dự phòng hoặc trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có

liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

13. Công ty là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản đang sở hữu và không có bất kỳ một tài sản nào trong số này bị đem đi cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ.
14. Công ty đã tuân thủ mọi điều khoản của các hợp đồng mà hành vi vi phạm hợp đồng sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.
15. Không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng.
16. Công ty có trách nhiệm tính toán và bảo đảm các khoản dự phòng cho các khoản vay và phải thu khó đòi được tính đầy đủ cũng như cơ sở để xác định các khoản đó. Ban Giám đốc cho rằng không cần thiết để ghi nhận các khoản dự phòng trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản phải thu của Công ty tương đương với giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
17. Tất cả số hàng tồn kho là tài sản của Công ty (bao gồm hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí ký gửi tại kho Công ty TNHH Cần ống Khoan dầu khí Việt Nam được ghi nhận với số tiền là 19.777.118.126 đồng trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017) và không bao gồm hàng do đơn vị khác chuyển cho Công ty tiêu thụ, hàng đã lập hoá đơn bán ra hay hàng của nhà cung cấp mà Công ty chưa ghi nhận nợ phải trả. Ban Giám đốc cho rằng không cần thiết để ghi nhận các khoản dự phòng trên báo cáo tài chính riêng vì giá gốc của hàng tồn kho của Công ty tương đương với giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
18. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện cam kết mua hàng nếu vượt quá nhu cầu bình thường hoặc với giá cao hơn giá thị trường.
19. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện, hay không thực hiện được cam kết bán hàng trong tương lai.
20. Chúng tôi đã trình bày với các kiểm toán viên tất cả các điều khoản bán hàng, bao gồm cả quyền trả lại hàng mua hay điều chỉnh giá và các điều kiện bảo hành.
21. Việc đánh giá tài sản thuế thu nhập hoãn lại của Công ty đã được thực hiện theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
22. Chúng tôi cho rằng, trên các khía cạnh trọng yếu, rằng việc tính toán thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác trong năm hiện tại đã được thực hiện phù hợp với các quy định hiện hành về thuế. Chúng tôi đã cung cấp tất cả các tài liệu hiện có liên quan đến các quyết toán thuế gần nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác của cơ quan thuế.
23. Công ty đã ghi nhận và trình bày công nợ cho các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng. Ban Giám đốc đã đánh giá các bằng chứng hiện có về (a) các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng đã được xác định và chưa được xử lý và (b) các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng chưa xác định phát sinh do các khoản thu nhập chưa chắc chắn trong hồ sơ hoàn thuế thu nhập trình cơ quan thuế. Khoản công nợ được ghi nhận và trình bày trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng thể hiện các ước tính của Ban Giám đốc về các khoản phải trả có khả năng phát sinh theo quyết định của cơ quan thuế, theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, chúng tôi không nhận được bất kỳ thông tin nào của cơ quan thuế, cả bằng lời và văn bản, khác với đánh giá của chúng tôi về các khoản dự phòng thuế thu nhập doanh

ng nghiệp và các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng được ghi nhận.

24. Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, dựa trên những phương pháp tính toán và ước tính mà Ban Giám đốc thấy phù hợp nhất, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã phản ánh đúng tiến độ thực hiện các công trình, dự án của Công ty và đã thể hiện hợp lý giá trị tất cả các công trình, dự án mà Công ty đang thực hiện và chưa được nghiệm thu quyết toán giá trị hoàn thành. Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận đã cung cấp đầy đủ cho kiểm toán viên các tài liệu liên quan đến số liệu ghi nhận doanh thu, giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình, dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đồng thời đảm bảo tính chính xác của các tài liệu này.
25. Công ty đã lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
26. Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
Ban Giám đốc Công ty cho rằng Thông tư 210 có đề cập đến việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế (“IFRS”) khi trình bày và công bố các công cụ tài chính, tuy nhiên Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương ứng cho việc ghi nhận và đánh giá tài sản tài chính, bao gồm việc áp dụng giá trị hợp lý, theo IFRS. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 và các quy định hiện hành có liên quan chưa có hướng dẫn đầy đủ về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.
27. Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ lương với tổng số tiền là 12.500.000.000 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng quỹ lương được trích lập trong năm là phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty và sẽ được chi trả trước khi quyết toán thuế năm 2017. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các khoản lương, thưởng và các khoản phúc lợi với số tiền là 348.000.000 đồng chi trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát, là phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các quy định hiện hành.
28. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017. Công ty TNHH Hưng Yên đã tiến hành kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng và vụ việc đang chờ được xét xử phúc thẩm tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.
29. Công ty đã tiến hành lập tờ trình Hội đồng quản trị số 0713/Ttr-TMDK ngày 4 tháng 01 năm 2018 về việc không trích lập dự phòng cho năm tài chính 2017. Đối với công nợ phải thu khó đòi trị giá 24.701.090.006 đồng và hàng tồn kho chưa xử lý trị giá 24.682.794.919 đồng. Ban điều hành nhận thấy vẫn đang trong quá trình thực hiện và thu hồi. Vì vậy việc trích lập dự phòng phải thu và giảm giá hàng tồn kho sẽ được thực hiện vào các năm sau khi có đủ các bằng chứng chắc chắn về việc không thu hồi được công nợ.
Đối với công nợ phải trả do một số nhà cung cấp đã ngưng hoạt động, Ban điều hành đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt cho phép ghi nhận giá trị các khoản công nợ phải trả này vào khoản thu nhập khác của công ty năm 2017. Khi đó, lợi nhuận công ty sẽ được ghi nhận tăng thêm trên báo cáo tài chính là 1.833.877.525 đồng.

30. Khoản dự phòng tại Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị đầu tư là 24.460.000.000 đồng mà Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và tự động hóa Dầu khí (51.85% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết) và Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu khí Petechim (25% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết). Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc không có thông tin đầy đủ và thích hợp để đánh giá làm căn cứ trích lập dự phòng thêm đối với khoản đầu tư này. Do đó, công ty chưa trích lập dự phòng thêm.



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Anh
Kê toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Đức Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

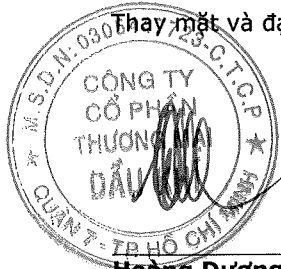
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Số: 340 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 10 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, giá trị hàng ký gửi của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí tại kho Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam được ghi nhận với số tiền là 19.777.118.126 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp và cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế để xác minh tính hiện hữu và giá trị có thể thu hồi của hàng đang ký gửi tại Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định những điều chỉnh tương ứng có cần thiết hay không.

Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng là 57.176.828.266 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 55.987.056.654 đồng). Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập đầy đủ thì chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 2.105.231.123 đồng. Theo đó, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng/giảm lần lượt với số tiền là 2.105.231.123 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 7 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả vụ kiện mà Công ty đang kiện Công ty TNHH Hưng Yên và khả năng thu hồi liên quan đến khoản nợ phải thu từ Công ty TNHH Hưng Yên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2110-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		208.528.154.607	307.672.234.684
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	61.082.462.011	37.854.141.352
1. Tiền	111		17.432.643.490	17.231.995.242
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.649.818.521	20.622.146.110
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.000.000.000	100.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	17.000.000.000	100.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.090.765.335	137.166.690.284
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	72.384.637.504	109.354.619.737
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	27.907.318.268	27.322.488.992
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.021.293.775	1.512.161.977
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.222.484.212)	(1.022.580.422)
IV. Hàng tồn kho	140		29.230.767.316	29.744.126.329
1. Hàng tồn kho	141	10	29.230.767.316	29.744.126.329
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.159.945	2.907.276.719
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.612.881	83.336.196
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.341.136.394
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	113.547.064	482.804.129
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134.306.763.174	134.958.385.923
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		51.363.000	13.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	51.363.000	13.000.000
II. Tài sản cố định	220		42.219.582.380	43.698.059.638
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	40.096.732.371	41.561.243.177
- Nguyên giá	222		50.329.988.662	61.226.605.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.233.256.291)	(19.665.362.604)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.122.850.009	2.136.816.461
- Nguyên giá	228		2.334.472.660	2.334.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.622.651)	(197.656.199)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	33.786.580.157	34.479.638.213
- Nguyên giá	231		34.652.902.727	34.652.902.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(866.322.570)	(173.264.514)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	57.176.828.266	55.987.056.654
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.486.687.800	31.486.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(809.859.534)	(1.999.631.146)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.072.409.371	780.631.418
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		806.762.689	780.631.418
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		265.646.682	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		342.834.917.781	442.630.620.607

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		106.931.480.663	206.364.373.934
I. Nợ ngắn hạn	310		74.083.079.363	169.651.454.834
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	25.148.442.579	26.650.958.510
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.850.101.000	847.057.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.538.787.463	313.889.676
4. Phải trả người lao động	314		728.450.145	603.853.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.603.378.080	3.246.932.912
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.398.950.636	6.816.307.932
7. Vay ngắn hạn	320	19	21.590.431.443	130.490.611.800
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		224.538.017	681.843.054
II. Nợ dài hạn	330		32.848.401.300	36.712.919.100
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	32.848.401.300	36.712.919.100
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		235.903.437.118	236.266.246.673
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	235.903.437.118	236.266.246.673
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.005.342.627	34.986.403.149
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		898.094.491	1.279.843.524
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		801.960.306	742.448.748
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		96.134.185	537.394.776
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		342.834.917.781	442.630.620.607

Phạm Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



Hoàng Dương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 3 năm 2018

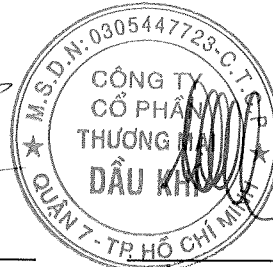
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		249.962.992.505	589.131.606.587
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	249.962.992.505	589.131.606.587
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	230.772.210.773	569.270.183.519
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.190.781.732	19.861.423.068
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.166.153.671	9.736.045.280
6. Chi phí tài chính	22	27	6.068.289.408	5.406.547.952
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.007.241.296	3.491.070.600
7. Chi phí bán hàng	25	29	8.849.529.220	12.614.401.926
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.680.083.656	14.064.054.025
9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(4.240.966.881)	(2.487.535.555)
10. Thu nhập khác	31	28	4.518.186.279	3.074.305.715
11. Chi phí khác	32		77.474.830	49.375.384
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.440.711.449	3.024.930.331
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		199.744.568	537.394.776
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	369.257.065	-
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(265.646.682)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		96.134.185	537.394.776

Phạm Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



Hoàng Dương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 09 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	199.744.568	537.394.776
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.171.535.314	5.146.178.080
- Các khoản dự phòng	03	(989.867.822)	(2.180.328.137)
- Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	93.479.450	(306.852.660)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.397.715.394)	(9.593.845.480)
- Chi phí lãi vay	06	5.007.241.296	3.491.070.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.915.582.588)	(2.906.382.821)
- Thay đổi các khoản phải thu	09	40.814.458.237	(773.438.561)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	513.359.013	42.150.092.125
- Thay đổi các khoản phải trả	11	11.783.456.195	(27.411.455.225)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	46.592.044	294.250.155
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.399.129.731)	(3.286.165.332)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(778.705.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.843.153.170	7.288.194.569
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(186.672.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.237.669.752
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(38.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	121.000.000.000	-
5. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	4.626.083.903	6.286.564.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	87.626.083.903	(90.662.438.032)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	172.710.204.367	282.645.827.446
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(281.610.384.724)	(234.628.817.112)
3. Cổ tức đã trả	36	(339.018.250)	(11.862.493.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(109.239.198.607)	36.154.517.234
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	23.230.038.466	(47.219.726.229)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.854.141.352	85.028.735.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.717.807)	45.132.137
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	61.082.462.011	37.854.141.352

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 53 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51.00	51.00	Kinh doanh chất, phụ gia xăng dầu
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Quận Đống Đa, Hà Nội	51.85	51.85	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Tỉnh Thanh Hóa	25.00	25.00	Dịch vụ hậu cần dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí cố liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng. Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	192.711.902	393.652.095
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.239.931.588	16.838.343.147
Các khoản tương đương tiền	<u>43.649.818.521</u>	<u>20.622.146.110</u>
	<u>61.082.462.011</u>	<u>37.854.141.352</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,3%-5,5% một năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là 6,45% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6% - 6,2% một năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	52.395.750
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.828.553.723	7.089.585.096
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.524.551.432	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	8.000.606.630	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	1.918.548.950	34.822.914.742
Liên Doanh Vietsovpetro	894.869.317	8.233.851.817
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.938.140.115	3.353.338.591
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16.466.736.451	5.534.775.419
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	6.146.061.342	49.907.876.025
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	359.882.297
	72.384.637.504	109.354.619.737

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Ngọc Minh	5.403.706.531	9.899.312.315
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	10.140.886.339	10.140.886.339
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	5.015.000.000	5.015.000.000
Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	3.981.910.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thảo Long	2.494.052.902	-
Các khoản ứng trước khác	871.762.496	2.267.290.338
	27.907.318.268	27.322.488.992

(*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-PT ngày 09 tháng 5 năm 2017. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 .

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi	64.188.720	1.274.561.977
Tạm ứng cho nhân viên	30.000.000	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	217.827.579	237.600.000
Cổ tức phải thu	1.709.277.476	-
	2.021.293.775	1.512.161.977
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	51.363.000	13.000.000
	51.363.000	13.000.000

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	1.918.548.950	1.700.796.545	-	-
- Liên doanh Vietsovpetro	894.869.317	364.890.156	8.233.851.817	7.847.286.678
- Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	168.601.800	562.006.000	168.601.800
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu tinh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	271.736.190	81.520.857
- Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	1.615.117.270	52.395.750	-
- Swiber Offshore Construction Pte Ltd	99.653.908	69.757.736	-	-
	5.141.647.719	3.919.163.507	9.119.989.757	8.097.409.335

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.547.972.397	5.061.331.410
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho HD Bank	1.379.184.584	1.770.585.625
- Bảo hành bảo trì thiết bị HB	497.917.605	1.089.771.460
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	1.428.030.000	-
- Các hợp đồng khác	1.242.840.208	2.200.974.325
Hàng hóa (*)	24.682.794.919	24.682.794.919
	29.230.767.316	29.744.126.329

(*) Hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm số hàng hóa đang ký gửi tại Công ty Cổ phần TNHH Cần Ống Khoan Dầu Khí Việt Nam với số tiền là 19.777.118.126 đồng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	46.621.913.606	1.692.280.850	12.856.496.577	55.914.748	61.226.605.781
Thanh lý	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	46.621.913.606	1.692.280.850	1.959.879.458	55.914.748	50.329.988.662
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	8.672.590.003	268.743.134	10.668.114.719	55.914.748	19.665.362.604
Khấu hao trong năm	1.190.096.714	61.169.462	213.244.630	-	1.464.510.806
Thanh lý	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	9.862.686.717	329.912.596	(15.257.770)	55.914.748	10.233.256.291
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	37.949.323.603	1.423.537.716	2.188.381.858	-	41.561.243.177
Tại ngày cuối năm	36.759.226.889	1.362.368.254	1.975.137.228	-	40.096.732.371

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.631.016.188 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 12.615.729.263 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>154.472.660</u>	<u>2.334.472.660</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	43.183.539	154.472.660	197.656.199
Khấu hao trong năm	<u>13.966.452</u>	-	<u>13.966.452</u>
Số dư cuối năm	<u>57.149.991</u>	<u>154.472.660</u>	<u>211.622.651</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>2.136.816.461</u>	-	<u>2.136.816.461</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.122.850.009</u>	-	<u>2.122.850.009</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.472.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 154.472.650 đồng).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>34.652.902.727</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	173.264.514
Trích khấu hao trong năm	<u>693.058.056</u>
Số dư cuối năm	<u>866.322.570</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>34.479.638.213</u>
Tại ngày cuối năm	<u>33.786.580.157</u>

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là giá trị hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long và đang dùng để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.



14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a, Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
b, Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	12.266.573.774	10.977.945.275	1.288.628.499
Thuế nhập khẩu	-	1.374.863.249	1.374.863.249	-
Thuế thu nhập cá nhân	313.889.676	377.337.528	441.068.240	250.158.964
Thuế nhà thầu, thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	313.889.676	14.021.774.551	12.796.876.764	1.538.787.463

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	9.526.687.800	-	9.526.687.800	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	21.960.000.000	-	21.960.000.000	-
	31.486.687.800	-	31.486.687.800	-

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim (*)	2.500.000.000	(809.859.534)	2.500.000.000	(1.999.631.146)
	2.500.000.000	(809.859.534)	2.500.000.000	(1.999.631.146)

(*) Công ty chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Nếu dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập thì khoản Đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 841.741.319 đồng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác ()**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-

(**) Thông tin chi tiết về các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,50	5,50	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,00	2,00	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Phải trả người bán là bên thứ ba	14.904.735.436	14.904.735.436	21.782.569.167	21.782.569.167
- Trim Systems Pte Ltd.	1.900.725.174	1.900.725.174	1.906.576.131	1.906.576.131
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Kiến Hoa	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909
- Phải trả các khách hàng khác	10.774.084.353	10.774.084.353	17.646.067.127	17.646.067.127
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	10.243.707.143	10.243.707.143	4.868.389.343	4.868.389.343
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.192.387.643	9.192.387.643	3.817.069.843	3.817.069.843
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	1.051.319.500	1.051.319.500	1.051.319.500	1.051.319.500
	25.148.442.579	25.148.442.579	26.650.958.510	26.650.958.510

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.144.799	415.033.234
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	379.211.884
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	1.023.854.342	1.241.120.269
Dự án nhà máy Nhơn Trạch 2	504.805.412	-
Dự án hóa dầu Bình Sơn	3.029.292.044	-
Dự án Nghi Sơn	823.428.000	-
Chi phí phải trả khác	208.219.012	220.933.054
	6.603.378.080	3.246.932.912

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	5.262.645.300	5.601.663.550
Lãi trả chậm phải trả	1.439.914.294	-
Kinh phí công đoàn	795.340.481	636.611.191
Bảo hiểm thất nghiệp	34.733.089	21.892.076
Bảo hiểm y tế xã hội	556.226.664	231.934.283
Phải trả khác	310.090.808	324.206.832
	8.398.950.636	6.816.307.932

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	39.191.710.200	39.191.710.200	136.371.165.226	(153.972.443.983)	21.590.431.443	21.590.431.443
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	91.298.901.600	91.298.901.600	36.339.039.141	(127.637.940.741)	-	-
	130.490.611.800	130.490.611.800	172.710.204.367	(281.610.384.724)	21.590.431.443	21.590.431.443

Khoản vay từ Ngân hàng thương mại cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 236/2016/2588907/HĐTD ngày 20 tháng 12 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 5,7% - 8,3%/năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối sẽ được trả định kỳ vào ngày 25 của tháng.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>32.848.401.300</u>	<u>36.712.919.100</u>
	32.848.401.300	36.712.919.100

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Dầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.681.587.643	3.817.069.843
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	<u>17.390.330.100</u>	<u>21.254.847.900</u>
	40.529.988.943	40.529.988.943
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>7.681.587.643</u>	<u>3.817.069.843</u>
Số phải trả sau 12 tháng	32.848.401.300	36.712.919.100

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	200.000.000.000	200.000.000.000

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	200.000.000.000	200.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	200.000.000.000	100	200.000.000.000	100

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	34.881.416.421	8.453.422.204	243.334.838.625
Lợi nhuận trong năm	-	-	537.394.776	537.394.776
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	104.986.728	(104.986.728)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(104.986.728)	(104.986.728)
Trích bổ sung thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(177.000.000)	(177.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(324.000.000)	(324.000.000)
Công bố chia cổ tức	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	34.986.403.149	1.279.843.524	236.266.246.673
Lợi nhuận trong năm	-	-	96.134.185	96.134.185
Phân phối lợi nhuận (*)	-	18.939.478	(477.883.218)	(458.943.740)
Số dư tại cuối năm nay	200.000.000.000	35.005.342.627	898.094.491	235.903.437.118

(*) Trong năm, Công ty đã trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận năm 2016 với số tiền lần lượt là 18.939.478 đồng, 110.943.740 đồng và 348.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 14/NQ-TMDK ngày 12 tháng 4 năm 2017.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ	USD	148.389	172.007
- Euro	EUR	3.232	3.232

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	247.554.902.279	587.531.092.564
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.453.370	1.600.514.023
Doanh thu cho thuê nhà	2.404.636.856	-
	249.962.992.505	589.131.606.587

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	230.067.822.767	568.908.878.481
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	361.305.038
Giá vốn cho thuê nhà	704.388.006	-
	230.772.210.773	569.270.183.519

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí mua hàng hóa	230.122.416.509	566.221.907.400
Chi phí nhân công	10.755.823.200	12.572.708.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.171.535.314	5.146.178.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.692.756.218	5.383.639.735
Chi phí khác	6.559.292.408	6.624.205.880
	253.301.823.649	595.948.639.470

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.230.872.690	3.611.651.610
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.165.549	2.427.497.082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.894.115.432	3.696.896.588
	5.166.153.671	9.736.045.280

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.007.241.296	3.491.070.600
Lãi trả chậm	2.120.656.794	2.309.191.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá	130.162.930	339.012.129
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(1.189.771.612)	(732.726.398)
	6.068.289.408	5.406.547.952

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	381.439.687	141.542.398
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.136.363.636	2.285.297.282
Tất toán công nợ phải trả	1.833.877.525	-
Các khoản khác	166.505.431	647.466.035
	4.518.186.279	3.074.305.715

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.657.694.900	7.355.631.797
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.627.108	118.519.758
Chi phí khấu hao	1.467.113.942	1.975.482.203
Chi phí dự phòng	199.903.790	
Thuế, phí và lệ phí	5.135.550	14.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.184.395.738	2.693.144.475
Chi phí khác	3.111.212.628	1.907.275.792
	13.680.083.656	14.064.054.025

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	369.257.065	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	369.257.065	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	199.744.568	537.394.776
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.958.304.152	3.744.229.338
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.604.844.909	111.088.125
Thu nhập/(lỗ) tính thuế	1.846.285.325	(3.095.746.437)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	369.257.065	-
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời	(265.646.682)	-
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(265.646.682)	

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2016: 20%) trên thu nhập tính thuế.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	21.590.431.443	130.490.611.800
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	61.082.462.011	37.854.141.352
Nợ thuần	-	92.636.470.448
Vốn chủ sở hữu	235.903.437.118	236.266.246.673
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0.39

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.



Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	61.082.462.011	37.854.141.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.234.810.067	109.857.201.292
Các khoản đầu tư tài chính	41.000.000.000	124.000.000.000
	<u>175.317.272.078</u>	<u>271.711.342.644</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	21.590.431.443	130.490.611.800
Phải trả người bán và phải trả khác	64.699.403.473	68.965.541.160
Chi phí phải trả	6.603.378.080	3.246.932.912
	<u>92.893.212.996</u>	<u>202.703.085.872</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ ("USD")	3.349.010.082	3.908.005.175	2.084.919.174	4.442.612.916
Bảng Anh ("GBP")	-	-	124.459.931	1.463.748.000
Euro ("EUR")	2.026.350	77.155.293	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm 2016 sẽ tăng/(giảm) một khoản tiền tương ứng lần lượt là 37.922.727 đồng và (16.038.232) đồng. Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR và GBP, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt kỳ kế toán, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 215.904.314 đồng (Năm 2016: 1.304.906.118 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng và ứng trước cho Công ty TNHH Hưng Yên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương	61.082.462.011	-	-	61.082.462.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.183.447.067	51.363.000	-	73.234.810.067
Các khoản đầu tư tài chính	17.000.000.000	24.000.000.000	-	41.000.000.000
	151.265.909.078	24.051.363.000	-	175.317.272.078

Các khoản vay	21.590.431.443	-	-	21.590.431.443
Phải trả khách hàng và phải trả khác	31.851.002.173	15.458.071.200	17.390.330.100	64.699.403.473
Chi phí phải trả	6.603.378.080	-	-	6.603.378.080
	60.044.811.696	15.458.071.200	17.390.330.100	92.893.212.996
Chênh lệch thanh khoản thuần	91.221.097.382	8.593.291.800	(17.390.330.100)	82.424.059.082

Số đầu năm	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương	37.854.141.352	-	-	37.854.141.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.844.201.292	13.000.000	-	109.857.201.292
Các khoản đầu tư tài chính	100.000.000.000	24.000.000.000	-	124.000.000.000
	247.698.342.644	24.013.000.000	-	271.711.342.644

Các khoản vay	130.490.611.800	-	-	130.490.611.800
Phải trả khách hàng và phải trả khác	32.252.622.060	15.458.071.200	21.254.847.900	68.965.541.160
Chi phí phải trả	3.246.932.912	-	-	3.246.932.912
	165.990.166.772	15.458.071.200	21.254.847.900	202.703.085.872
Chênh lệch thanh khoản thuần	81.708.175.872	8.554.928.800	(21.254.847.900)	69.008.256.772

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	15.730.050.812	684.395.401
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	111.951.454	1.061.793.392
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>92.206.882.221</u>	<u>357.481.411.630</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>811.254.545</u>	<u>746.145.455</u>
Công bố trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>-</u>	<u>2.030.000.000</u>
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.120.656.794</u>	<u>2.309.191.621</u>
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	100.728.825	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>1.793.386.607</u>	<u>3.516.896.588</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.176.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16.466.736.451	5.534.775.419
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	6.146.061.342	49.907.876.025
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	<u>-</u>	<u>359.882.297</u>
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>1.709.277.476</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.192.387.643	3.817.069.843
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	<u>1.051.319.500</u>	<u>1.051.319.500</u>
Phải trả người bán dài hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>32.848.401.300</u>	<u>36.712.919.100</u>

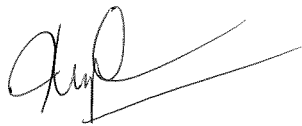
33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

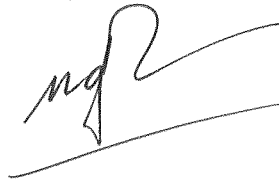
Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 23.144.799 đồng (2016: 415.033.234 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 1.773.466.196 đồng (2016: 1.274.561.977 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền là 2.136.363.636 (2016: 0 đồng), là số lãi từ thanh lý tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

C P H A

C. T. P. H. A.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)
Ông Trần Đức Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Chí Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2017)
Bà Đỗ Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Số: 414 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 06 và 08 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa trích lập đầy đủ Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản công nợ phải thu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã quá hạn thanh toán, lần lượt với số tiền là 1.646.068.395 đồng và 790.746.600 đồng. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập thì chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" và "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm lần lượt với số tiền là 790.746.600 đồng và 1.646.068.395 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chỉ tiêu "Chi phí quản lý" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ tăng/giảm với số tiền là 2.436.814.995 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Như trình bày trong Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hàng ký gửi của Công ty tại kho Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam được ghi nhận với số tiền là 19.777.118.126 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp và cũng không thực hiện được các thủ tục thay thế để xác minh tính hiện hữu và giá trị có thể thu hồi của hàng đang ký gửi tại Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định những điều chỉnh tương ứng có cần thiết hay không.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa ghi nhận chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") không được phê duyệt quyết toán và do đó chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ với số tiền 4.648.715.211 đồng đang được trình bày ở khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Như trình bày tại thuyết minh 14 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí liên quan đến Dự án này được trình bày vào khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 3.099.145.211 đồng. Nếu ghi nhận phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm 2015. Theo đó, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng Cân đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm với số tiền là 3.099.145.211 đồng. Đồng thời khoản mục "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 giảm với số tiền là 1.549.570.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 07 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vụ kiện mà Công ty đang kiện Công ty TNHH Hưng Yên liên quan đến khoản nợ phải thu từ Công ty TNHH Hưng Yên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM**

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2110-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		297.641.291.996	363.878.612.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	78.204.085.617	72.778.141.034
1. Tiền	111		28.154.267.096	25.255.994.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.049.818.521	47.522.146.110
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.900.000.000	100.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	36.900.000.000	100.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.458.759.833	110.767.996.742
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	91.260.540.116	78.195.990.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	28.284.615.898	29.926.042.342
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.000.498.164	5.532.954.823
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.086.894.345)	(2.886.990.555)
IV. Hàng tồn kho	140	10	60.979.755.082	72.651.011.851
1. Hàng tồn kho	141		60.979.755.082	72.651.011.851
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.098.691.464	7.681.462.863
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		330.501.264	618.252.304
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.654.643.136	5.880.406.430
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	113.547.064	482.804.129
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	700.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.708.613.276	133.991.677.055
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		817.603.360	140.031.841
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	817.603.360	140.031.841
II. Tài sản cố định	220		59.174.959.789	61.921.356.029
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	49.545.951.730	52.278.381.518
- Nguyên giá	222		73.426.160.687	84.461.451.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.880.208.957)	(32.183.070.477)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.629.008.059	9.642.974.511
- Nguyên giá	228		10.119.293.710	10.417.216.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(490.285.651)	(774.242.284)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	33.786.580.157	34.479.638.213
- Nguyên giá	231		34.652.902.727	34.652.902.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(866.322.570)	(173.264.514)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	3.099.145.211	4.648.717.816
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.099.145.211	4.648.717.816
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	26.861.042.903	27.626.200.312
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.861.042.903	3.626.200.312
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.969.281.856	5.175.732.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.012.935.640	1.952.745.532
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		265.646.682	95.280.123
3. Lợi thế thương mại	269	16	2.690.699.534	3.127.707.189
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		426.349.905.272	497.870.289.545

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

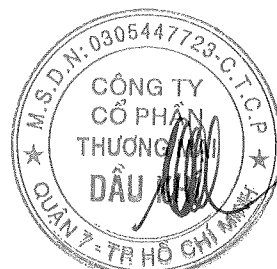
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		151.879.605.775	221.754.440.778
I. Nợ ngắn hạn	310		119.031.204.475	185.041.521.678
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	61.178.269.637	34.117.909.430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.849.515.360	4.313.659.550
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.576.701.026	1.400.983.267
4. Phải trả người lao động	314		2.202.356.039	1.854.065.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.484.778.080	4.175.918.312
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	670.738.084
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	10.686.094.534	7.100.878.961
8. Vay ngắn hạn	320	21	23.590.431.443	130.490.611.800
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		463.058.356	916.756.822
II. Nợ dài hạn	330		32.848.401.300	36.712.919.100
1. Phải trả người bán dài hạn	331	22	32.848.401.300	36.712.919.100
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		274.470.299.497	276.115.848.767
I. Vốn chủ sở hữu	410		274.470.299.497	276.115.848.767
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	35.705.112.056	35.328.811.660
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	6.564.634.363	8.933.818.936
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		7.092.545.228	8.898.400.374
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(527.910.865)	35.418.562
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	32.200.553.078	31.853.218.171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		426.349.905.272	497.870.289.545



Phạm Thị Hồng Yên
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

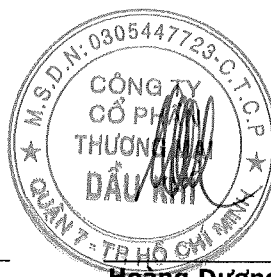
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		792.474.781.956	718.192.281.924
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	27	792.474.781.956	718.192.281.924
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	28	747.203.186.237	672.098.603.975
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		45.271.595.719	46.093.677.949
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	5.058.581.877	7.359.075.038
6. Chi phí tài chính	22	31	7.307.469.227	6.149.593.246
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.177.306.297	3.501.389.496
7. Chi phí bán hàng	25	32	11.677.682.441	14.452.470.975
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	29.703.880.821	30.004.795.128
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.641.145.107	2.845.893.638
10. Thu nhập khác	31		4.540.631.734	3.172.537.690
11. Chi phí khác	32		1.710.373.920	56.787.890
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.830.257.814	3.115.749.800
13. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	45	15	(765.157.409)	838.881.585
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		3.706.245.512	6.800.525.023
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	2.236.632.768	2.221.001.181
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(170.366.559)	(95.280.123)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.639.979.303	4.674.803.965
Phân bổ cho:				
- Cổ đông không kiểm soát	61	24	2.607.816.946	4.201.830.355
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		(967.837.643)	472.973.610
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(58)	21

Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

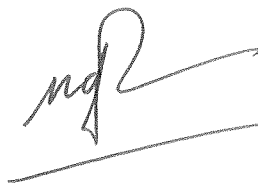
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

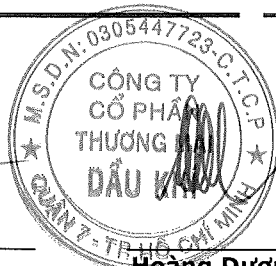
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.706.245.512	6.800.525.023
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.511.404.296	6.831.759.913
- Các khoản dự phòng	03	199.903.790	(2.208.375.156)
- Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	93.479.450	(306.852.660)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.604.207.359)	(7.215.107.213)
- Chi phí lãi vay, lãi trả chậm	06	7.177.306.297	3.501.389.496
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.084.131.986	7.403.339.403
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(5.816.344.952)	33.359.312.628
- Thay đổi hàng tồn kho	10	11.671.256.769	22.984.737.028
- Thay đổi các khoản phải trả	11	36.159.370.506	(36.423.993.623)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	664.568.587	224.389.743
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.129.280.438)	(4.117.874.425)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.498.062.463)	(3.011.430.192)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	125.179.425
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(976.957.333)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.158.682.662	20.543.659.987
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(71.950.000)	(864.909.091)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.542.215.208
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(38.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	101.100.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	6.560.939.068	3.703.457.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	69.588.989.068	(93.619.236.813)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	178.710.204.367	282.645.827.446
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(285.610.384.724)	(234.628.817.112)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(419.828.983)	(11.862.493.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(107.320.009.340)	36.154.517.234
Lưu chuyển tiền thuần trong năm(50=20+30+40)	50	5.427.662.390	(36.921.059.592)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	72.778.141.034	109.654.068.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.717.807)	45.132.137
Tiền và tương đương tiền cuối năm(70=50+60+61)	70	78.204.085.617	72.778.141.034



Phạm Thị Hồng Yên
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG**Công ty mẹ*****Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2016. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 53 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí. Mua bán thiết bị vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giáo thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường.

Công ty con

Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh (gọi tắt là "Công ty GEC") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500867357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Tổng số nhân viên của Công ty GEC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 14 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16 người). Hoạt động chính của Công ty GEC là mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học. Công ty GEC có trụ sở chính tại Ô 1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại Công ty GEC là 51%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty PAIC") được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103349508 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 là 42.352.900.000 đồng. Tổng số nhân viên của Công ty PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 89 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 90 người). Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Công ty PAIC có trụ sở chính ở tại tầng 17, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại PAIC là 51,85%.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH***Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất***

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

00-01
HÀNG
G T
EM K
DIT
T N
P. H

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính và giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 không trích khấu hao vì không có thời hạn.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất năm mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	444.252.118	833.520.064
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.710.014.978	24.422.474.860
Các khoản tương đương tiền	50.049.818.521	47.522.146.110
	78.204.085.617	72.778.141.034

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,3% - 5,5% một năm). Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty PAIC với số tiền là 6 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng mua hàng hóa.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn bốn tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất là 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6%-6,2% một năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	1.918.548.950	34.822.914.742
- Liên Doanh Vietsovpetro	894.869.317	8.233.851.817
- Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	52.395.750
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	8.000.606.630	-
- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	15.828.553.723	-
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.524.551.432	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex (*)	790.746.600	840.746.600
- Các khoản phải thu các khách hàng khác	35.169.357.469	28.711.305.804
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16.466.736.451	5.534.775.419
	<u>91.260.540.116</u>	<u>78.195.990.132</u>

(*) Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinacomex theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho khách sạn Lam Kinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 840.746.600 đồng và 790.746.600 đồng đã quá hạn thanh toán.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Ngọc Minh	5.403.706.531	9.899.312.315
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	10.140.886.339	10.140.886.339
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	5.015.000.000	5.015.000.000
Các khoản ứng trước khác	7.725.023.028	4.870.843.688
	<u>28.284.615.898</u>	<u>29.926.042.342</u>

(*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HY-PETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-PT ngày 09 tháng 5 năm 2017. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản công nợ này có khả năng thu hồi toàn bộ và không trích lập dự phòng cho khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	494.517.565	937.909.300
Các khoản ký quỹ	900.000	1.100.139.648
Phải thu về lãi tiền gửi	64.188.720	1.607.711.460
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	217.827.579	237.600.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	1.646.068.395	1.646.068.395
Phải thu khác	576.995.905	3.526.020
	<u>3.000.498.164</u>	<u>5.532.954.823</u>
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ	817.603.360	140.031.841
	<u>817.603.360</u>	<u>140.031.841</u>

(*) Số dư phải thu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 1.646.068.395 đồng, đã quá hạn thanh toán.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	1.918.548.950	1.700.796.545	-	-
Liên Doanh Vletsovetro	5.597.545.317	5.067.566.156	8.233.851.817	7.847.286.678
Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	168.601.800	562.006.000	168.601.800
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	1.666.569.544	1.615.117.270	52.395.750	-
Swiber Offshore Construction Pte Ltd	99.653.908	69.757.736	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đại lý Dầu Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	271.736.190	81.520.857
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.133	-
	11.708.733.852	8.621.839.507	10.984.399.890	8.097.409.335

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu	31.591.959.531	42.801.606.703
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, trong đó:	4.705.000.632	5.166.610.229
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho HD Bank	1.379.184.584	1.770.585.625
- Bảo hành, bảo trì thiết bị HB	497.917.605	1.089.771.460
- Hợp đồng nâng cấp đồng bộ PVOIL	-	676.458.789
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	1.428.030.000	-
- Các hợp đồng khác	1.399.868.443	1.629.794.355
Hàng hóa (*)	24.682.794.919	24.682.794.919
	60.979.755.082	72.651.011.851

(*) Hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm số hàng hóa đang ký gửi tại Công ty Cổ phần TNHH Cần Ống Khoan Dầu Khí Việt Nam với số tiền 19.777.118.126 đồng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	60.685.518.072	6.606.306.458	4.140.316.784	12.973.395.933	55.914.748	84.461.451.995
Tăng trong năm	-	71.950.000	-	-	-	71.950.000
Phân loại lại theo TT.45	-	(210.624.189)	-	-	-	(210.624.189)
Thanh lý	-	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	<u>60.685.518.072</u>	<u>6.467.632.269</u>	<u>4.140.316.784</u>	<u>2.076.778.814</u>	<u>55.914.748</u>	<u>73.426.160.687</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	9.385.477.810	6.504.308.677	3.477.217.939	12.760.151.303	55.914.748	32.183.070.477
Khấu hao trong năm	2.207.997.722	95.889.186	287.248.250	213.244.630	-	2.804.379.788
Phân loại lại theo TT.45	-	(210.624.189)	-	-	-	(210.624.189)
Thanh lý	-	-	-	(10.896.617.119)	-	(10.896.617.119)
Số dư cuối năm	<u>11.593.475.532</u>	<u>6.389.573.674</u>	<u>3.764.466.189</u>	<u>2.076.778.814</u>	<u>55.914.748</u>	<u>23.880.208.957</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	<u>51.300.040.262</u>	<u>101.997.781</u>	<u>663.098.845</u>	<u>213.244.630</u>	<u>-</u>	<u>52.278.381.518</u>
Tại ngày cuối năm	<u>49.092.042.540</u>	<u>78.058.595</u>	<u>375.850.595</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>49.545.951.730</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 23.039.590.940 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 19.183.193.014 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	2.180.000.000	731.058.745	7.506.158.050	10.417.216.795
Thanh lý trong năm	-	(297.923.085)	-	(297.923.085)
Số dư cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>433.135.660</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>10.119.293.710</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	43.183.539	731.058.745	-	774.242.284
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	-	13.966.452
Thanh lý trong năm	-	(297.923.085)	-	(297.923.085)
Số dư cuối năm	<u>57.149.991</u>	<u>433.135.660</u>	<u>-</u>	<u>490.285.651</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	<u>2.136.816.461</u>	<u>-</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>9.642.974.511</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.122.850.009</u>	<u>-</u>	<u>7.506.158.050</u>	<u>9.629.008.059</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 433.135.660 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 731.058.745 đồng).

13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	<u>34.652.902.727</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	173.264.514
Khấu hao trong năm	693.058.056
Số dư cuối năm	<u>866.322.570</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>34.479.638.213</u>
Tại ngày cuối năm	<u>33.786.580.157</u>

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là hai căn biệt thự thuộc Khu biệt thự Kim Long, Khu dân cư Phú Long, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty mẹ mua từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long và đang dùng để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời (*)	<u>3.099.145.211</u>	<u>4.648.717.816</u>

(*) Thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") tại Công ty PAIC theo Hợp đồng hợp tác giữa Công ty PAIC với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") số 7454/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 8 năm 2010. Theo đó, Tập đoàn góp vốn bằng tiền và Công ty PAIC góp vốn bằng nguồn nhân lực. Tổng chi phí phát sinh liên quan đến Dự án là 24.631.310.413 đồng. Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã có Biên bản số 9871/BB-DKVN về việc phê duyệt Dự án với kết quả Dự án không đạt. Giá trị quyết toán được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 19.466.068.395 đồng. Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được duyệt quyết toán là 5.165.242.018 đồng. Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty PAIC ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được quyết toán. Theo đó, (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty PAIC) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516.524.202 đồng; (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 đồng thuộc trách nhiệm chung của Công ty PAIC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty PAIC vẫn đang theo dõi công nợ của ông Nguyễn Việt Hùng và phần giá trị còn lại của dự án trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 3.099.145.211 đồng.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim được thành lập tại Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 262031000068 do Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009 là 30 tỷ đồng. Tổng số vốn cam kết góp của Công ty mẹ là 7,5 tỷ đồng, tương ứng với 25% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hậu cần cho Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.500.000.000	2.500.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	361.042.903	1.126.200.312
	<u>2.861.042.903</u>	<u>3.626.200.312</u>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	20.305.475.324	35.314.052.413
Tổng công nợ	11.813.712.662	20.439.710.114
Tài sản thuần	8.491.762.662	14.874.342.299
Phần tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết	<u>2.861.042.903</u>	<u>3.626.200.312</u>
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	67.899.584.683	89.943.170.120
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế	(3.060.629.636)	3.355.526.341
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>(765.157.409)</u>	<u>838.881.585</u>

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>24.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,0	2,0	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	4.370.076.549
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.242.369.360
Khấu hao trong năm	437.007.655
Số dư cuối năm	1.679.377.015
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>3.127.707.189</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.690.699.534</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả bên thứ ba	51.985.881.994	51.985.881.994	30.300.839.587	30.300.839.587
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Nguyên	8.757.180.690	8.757.180.690	66.000.000	66.000.000
- Trim Systems Pte Ltd.	1.900.725.174	1.900.725.174	1.906.576.131	1.906.576.131
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Kiến Hoa	2.229.925.909	2.229.925.909	-	-
- Phải trả các khách hàng khác	39.098.050.221	39.098.050.221	28.328.263.456	28.328.263.456
b. Phải trả các bên liên quan	9.192.387.643	9.192.387.643	3.817.069.843	3.817.069.843
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.192.387.643	9.192.387.643	3.817.069.843	3.817.069.843
	61.178.269.637	61.178.269.637	34.117.909.430	34.117.909.430

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
	482.804.129	-	369.257.065	113.547.064
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	347.360.852	71.164.650.152	70.203.676.683	1.308.334.321
Thuế nhập khẩu	-	1.374.863.249	1.374.863.249	-
Thuế thu nhập cá nhân	440.951.891	621.719.092	776.288.042	286.382.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp	612.670.524	1.867.375.703	1.498.062.463	981.983.764
Thuế nhà thầu, thuế khác	-	10.000.000	10.000.000	-
	1.400.983.267	75.038.608.196	73.862.890.437	2.576.701.026

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	23.144.799	415.033.234
Chi phí dự án nâng cấp đồng bộ cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	379.211.884
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	1.023.854.342	1.241.120.269
Dự án hóa dầu Bình Sơn	3.029.292.044	-
Chi phí phải trả khác	2.417.852.424	1.149.918.454
	7.484.778.080	4.175.918.312

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	6.904.892.288	5.601.663.550
Lãi trả chậm phải trả	1.439.914.294	-
Kinh phí công đoàn	795.340.481	636.611.191
Bảo hiểm thất nghiệp	34.733.089	21.892.076
Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội	556.226.664	231.934.283
Phải trả khác	954.987.718	608.777.861
	10.686.094.534	7.100.878.961

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	39.191.710.200	39.191.710.200	136.371.165.226	(153.972.443.983)	21.590.431.443	21.590.431.443
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	91.298.901.600	91.298.901.600	36.339.039.141	(127.637.940.741)	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	-	-	6.000.000.000	(4.000.000.000)	2.000.000.000	2.000.000.000
	130.490.611.800	130.490.611.800	178.710.204.367	(285.610.384.724)	23.590.431.443	23.590.431.443

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 319/2015/2588907/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 5,7%/năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối sẽ được trả định năm vào ngày 25 của mỗi tháng.

Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ký ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 129.600.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất từ 4,4% tới 5% một năm. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn đối với khoản vay có thời hạn 3 tháng sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi năm trả lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng tổng giá trị số dư phải thu trị giá 131.700.000.000 đồng (số dư quy đổi tương đương 6,1 triệu đô la Mỹ) theo chứng thư thế chấp số VNM 111024/MR. Các khoản vay này đã được Công ty tất toán trong năm 2017.

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0020/2017/HĐTDNH-PN/SHB.110205 ngày 25 tháng 10 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000.000 đồng. Khoản vay này được bảo đảm bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) với tổng giá trị là 6.400.000.000 đồng và chịu lãi suất 7,1%/năm.

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>32.848.401.300</u>	<u>36.712.919.100</u>
	32.848.401.300	36.712.919.100

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 - Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty mẹ. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty mẹ hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	7.681.587.643	3.864.517.800
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	17.390.330.100	21.254.847.900
	40.529.988.943	40.577.436.900
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>7.681.587.643</u>	<u>3.864.517.800</u>
Số phải trả sau 12 tháng	32.848.401.300	36.712.919.100

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	<u>200.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100</u>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	35.138.945.817	16.450.327.842	251.589.273.659
Lợi nhuận trong năm	-	-	472.973.610	472.973.610
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	189.865.843	(189.865.843)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(247.689.205)	(247.689.205)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(177.000.000)	(177.000.000)
Công bố chia cổ tức	-	-	(7.374.927.468)	(7.374.927.468)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	35.328.811.660	8.933.818.936	244.262.630.596
Lỗi trong năm	-	-	(967.837.643)	(967.837.643)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	376.300.396	(376.300.396)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(523.258.867)	(523.258.867)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(484.678.577)	(484.678.577)
Giảm khác	-	-	(17.109.090)	(17.109.090)
Số dư cuối năm nay	<u>200.000.000.000</u>	<u>35.705.112.056</u>	<u>6.564.634.363</u>	<u>242.269.746.419</u>

(*) Trong năm, Công ty đã trích bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi trả thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 và năm 2017 với số tiền lần lượt là 376.300.396 đồng, 523.258.868 đồng và 484.678.577 đồng.

24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của các Công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát cụ thể như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh		
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	20.000.000.000	20.000.000.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>10.200.000.000</i>	<i>10.200.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>9.800.000.000</i>	<i>9.800.000.000</i>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	49%	49%
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí		
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	42.352.900.000	42.352.900.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>21.960.000.000</i>	<i>21.960.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>20.392.900.000</i>	<i>20.392.900.000</i>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	48,15%	48,15%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị tài sản thuần:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Vốn của cổ đông không kiểm soát	30.192.900.000	30.192.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.006.415.215	663.068.452
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	216.000.741	216.000.741
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	785.237.122	781.248.978
	32.200.553.078	31.853.218.171

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	5.348.047.910	8.672.592.217
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	2.607.816.946	4.201.830.355

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đô la Mỹ	USD	148.389	172.007
- Euro	EUR	3.232	3.232

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác và bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác - kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.

Bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu - sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng dầu.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Số đầu năm	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	422.511.131.511	75.359.158.034	497.870.289.545
Tổng tài sản hợp nhất			497.870.289.545

Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	168.147.585.314	53.606.855.464	221.754.440.778
Tổng nợ phải trả hợp nhất			221.754.440.778

Số cuối năm	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	369.865.964.796	56.483.940.476	426.349.905.272
Tổng tài sản hợp nhất			426.349.905.272

Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	116.767.762.218	35.111.843.557	151.879.605.775
Tổng nợ phải trả hợp nhất			151.879.605.775

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm nay	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	232.260.138.502	560.214.643.454	792.474.781.956
Giá vốn	195.294.928.294	551.908.257.943	747.203.186.237
Kết quả hoạt động kinh doanh	36.965.210.208	8.306.385.511	45.271.595.719

Chi phí bán hàng	(11.677.682.441)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(29.703.880.821)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	3.890.032.457
Doanh thu hoạt động tài chính	5.058.581.877
Chi phí tài chính	(7.307.469.227)
Lãi khác	2.830.257.814
Lỗ trong công ty liên kết	(765.157.409)
Lãi kế toán trước thuế	3.706.245.512
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.236.632.768)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	170.366.559
Lãi trong năm	1.639.979.303

Thông tin khác	
Khấu hao	3.511.404.296

Năm trước	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	669.174.137.433	49.018.144.491	718.192.281.924
Giá vốn	632.466.801.592	39.631.802.383	672.098.603.975
Kết quả hoạt động kinh doanh	36.707.335.841	9.386.342.108	46.093.677.949
Chi phí bán hàng			(14.452.470.975)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(30.004.795.128)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			1.636.411.846
Doanh thu hoạt động tài chính			7.359.075.038
Chi phí tài chính			(6.149.593.246)
Lợi nhuận khác			3.115.749.800
Lãi trong công ty liên kết			838.881.585
Lợi nhuận kế toán trước thuế			6.800.525.023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.221.001.181)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			95.280.123
Lãi trong năm			4.674.803.965
Thông tin khác			
Khấu hao			6.831.759.913

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán chất phụ gia xăng dầu	560.214.643.454	49.018.144.491
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	232.260.138.502	669.174.137.433
	792.474.781.956	718.192.281.924

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn chất phụ gia xăng dầu đã bán	551.908.257.943	39.631.802.383
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	195.294.928.294	632.466.801.592
	747.203.186.237	672.098.603.975

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa	736.491.924.687	530.235.713.607
Chi phí nhân công	27.857.843.355	29.821.547.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.511.404.296	6.831.759.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.956.075.915	24.284.612.359
Chi phí khác	7.767.501.246	125.382.236.517
	788.584.749.499	716.555.870.078

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	4.916.687.503	4.751.577.956
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.728.825	180.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.165.549	2.120.644.422
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	306.852.660
	5.058.581.877	7.359.075.038

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.056.649.503	3.501.389.496
Lãi trả chậm	2.120.656.794	2.309.191.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá	130.162.930	339.012.129
	7.307.469.227	6.149.593.246

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	14.420.014.601	15.524.511.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	239.012.624	299.876.255
Chi phí khấu hao	2.130.200.385	2.547.345.611
Chi phí dự phòng phải thu	199.903.790	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.453.231.167	7.649.160.576
Chi phí khác	5.261.518.254	3.983.901.052
	29.703.880.821	30.004.795.128
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	5.016.492.496	5.975.944.334
Chi phí khấu hao	37.707.318	15.102.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.746.443.936	2.951.440.714
Chi phí bằng tiền khác	2.877.038.691	5.509.983.201
	11.677.682.441	14.452.470.975

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.706.245.512	6.800.525.023
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.876.678.463	5.370.695.216
Cộng: Các khoản lỗ không tính thuế	-	306.313.481
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	600.239.864	1.066.214.335
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	11.183.163.839	11.105.005.904
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.236.632.768	2.221.001.181

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2016: 20%).

34. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trong năm	1.639.979.303	4.674.803.965
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát	2.607.816.946	4.201.830.355
- Cổ đông của Công ty mẹ	(967.837.643)	472.973.610
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	192.616.349	47.297.361
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.160.453.992)	425.676.249
Số cổ phần bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
(LỖ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(58)	21

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm hoạt động như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	23.590.431.443	130.490.611.800
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.204.085.617	72.778.141.034
Nợ thuần	-	57.712.470.766
Vốn chủ sở hữu	274.470.299.497	276.115.848.767
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,21

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	78.204.085.617	72.778.141.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.279.402.151	79.806.476.941
Các khoản đầu tư tài chính	60.900.000.000	124.000.000.000
	230.383.487.768	276.584.617.975
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	23.590.431.443	130.490.611.800
Phải trả người bán và phải trả khác	103.326.465.237	77.041.269.941
Chi phí phải trả	7.484.778.080	4.175.918.312
	134.401.674.760	211.707.800.053

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	3.482.361.824	3.908.005.175	2.084.919.174	4.442.612.916
Bảng Anh ("GBP")	-	-	124.459.931	-
Euro ("EUR")	87.253.740	77.155.293	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro và Bảng Anh.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với đồng Việt Nam thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 41.923.280 đồng (năm 2016: giảm/tăng 16.038.232 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR và GBP, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 235.904.314 đồng (Năm 2016: giảm/tăng 1.304.906.118 đồng).



2500
NHÀ
NG
HIỆN
OIT
TN/
P.HC

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng và khoản ứng trước cho Công ty TNHH Hưng Yên.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay, và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.204.085.617	-	-	78.204.085.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.461.798.791	817.603.360	-	91.279.402.151
Các khoản đầu tư tài chính	36.900.000.000	24.000.000.000	-	60.900.000.000
	205.565.884.408	24.817.603.360	-	230.383.487.768
Các khoản vay	23.590.431.443	-	-	23.590.431.443
Phải trả người bán và phải trả khác	70.478.063.937	15.458.071.200	17.390.330.100	103.326.465.237
Chi phí phải trả	7.484.778.080	-	-	7.484.778.080
	101.553.273.460	15.458.071.200	17.390.330.100	134.401.674.760
Chênh lệch thanh khoản thuần	104.012.610.948	9.359.532.160	(17.390.330.100)	95.981.813.008
Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.778.141.034	-	-	72.778.141.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.666.445.100	140.031.841	-	79.806.476.941
Các khoản đầu tư tài chính	100.000.000.000	24.000.000.000	-	124.000.000.000
	252.444.586.134	24.140.031.841	-	276.584.617.975
Các khoản vay	130.490.611.800	-	-	130.490.611.800
Phải trả người bán và phải trả khác	40.328.350.841	15.458.071.200	21.254.847.900	77.041.269.941
Chi phí phải trả	4.175.918.312	-	-	4.175.918.312
	174.994.880.953	15.458.071.200	21.254.847.900	211.707.800.053
Chênh lệch thanh khoản thuần	77.449.705.181	8.681.960.641	(21.254.847.900)	64.876.817.922

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Dầu Việt Nam
 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An
 Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim

Mối quan hệ

Cổ đông
 Cổ đông
 Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>15.730.050.812</u>	<u>684.395.401</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>811.254.545</u>	<u>746.145.455</u>
Công bố và trả cổ tức		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>-</u>	<u>2.030.000.000</u>
Lãi trả chậm		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.120.656.794</u>	<u>2.309.191.621</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.449.800.959</u>	<u>1.800.000.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>16.466.736.451</u>	<u>5.534.775.419</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>9.192.387.643</u>	<u>3.817.069.843</u>
Phải trả người bán dài hạn		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>32.848.401.300</u>	<u>36.712.919.100</u>

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.463.059.093 đồng (năm trước: 415.033.234 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 64.188.720 đồng (năm trước: 1.607.711.460 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền là 2.136.363.636 (2016: 0 đồng), là số lãi từ thanh lý tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Phạm Thị Hồng Yến
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Hoàng Dương
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2018